

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT TRUNG ƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số : 913 /RHMTW-KD
V/v mời chào giá hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Tp. Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất, vật tư y tế năm 2025 gửi hồ sơ chào giá theo các nội dung cụ thể sau:

1. Danh mục mời chào giá: danh mục chi tiết đính kèm
 2. Thành phần hồ sơ: bảng báo giá (theo mẫu); tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có)
 3. Yêu cầu về giá chào: giá đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).
 4. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược- Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Tp. Hồ Chí Minh.
 5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 18 tháng
 6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.
 7. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ ngày 14/7/2025
- Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá:

+ Khoa Dược - Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Tp. Hồ Chí Minh; 201A Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 028 38556732 (3202)

Trân trọng././

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.QLCL;
- Lưu: VT, KD.



Tên, địa chỉ hãng sản xuất,
nhà cung cấp tại Việt Nam

Mẫu báo giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Trung ương Tp. Hồ Chí Minh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Trung ương Tp. Hồ Chí Minh, chúng tôi ____ [ghi tên của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT theo DM mời chào	Tên hàng hóa theo DM mời chào	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Hãng, nước sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT	Ghi chú
											Hợp đồng trúng thầu số ... ngày ..., giá trúng thầu ... (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày kể từ ngày báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

GÓI 1: HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ

(Đính kèm công văn số 913 /RHMTW-KD ngày 30 / 6 /2025)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
NHÓM 1: BÔNG, DUNG DỊCH SÁT KHUẨN, RỬA VẾT THƯƠNG				
1.1. Bông				
1	Bông y tế 3cm x 3cm (không tiết trùng) 500 gram	-Thành phần: làm từ bông y tế thấm nước 100% sợi cotton (bông xơ tự nhiên), được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm toại, hút nước tốt. -Kích thước: 3cm x 3cm ($\pm 0,2$cm) -Đóng gói: 500 gram/ gói, chưa tiết trùng. -Ngoại quan: Không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; sạch. Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Không có tạp chất, chỉ có sợi bông, không kích ứng da, Bông được ép nhẵn, không bung xù hai bề mặt. -Khả năng hút nước: >100g. Trung bình 5 gram bông hút được hơn 100 gram nước. - Tách được từng lớp bông khi cần -Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu -Đạt tiêu chuẩn ISO, CE và GMP	Gói	720
2	Bông tăm cotton 4 lớp, kích thước 4cm x 4cm	Chất liệu: vải không dệt có tấm 70% cotton Isopropyl, kích thước 4cm x 4cm x 4 lớp. Đóng gói riêng từng miếng	miếng	136.000
3	Que gòn trong ống nghiệm nhựa tiết trùng	Ống nghiệm dài 15cm $\pm 0,5$ chứa que gòn đã tiết trùng; 1 đầu gòn đường kính 5.5mm $\pm 0,5$; đường kính que gỗ 2.5mm $\pm 0,2$; 1 đầu gắn liền với nắp, thân gỗ. Trên ống nghiệm có nhãn dán để ghi chú. Đóng gói 1 cái/ gói trong bao bằng giấy ép tiết trùng. Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	cây/que	1.500
4	Que xét nghiệm tiết trùng	Đầu bông được sử dụng từ Bông y tế 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên, đã được loại bỏ lớp sáp, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Không có tạp chất, chỉ có sợi bông. -Đường kính đầu bông khoảng 5mm, thân que đường kính 2,5mm. Thân nhựa nguyên sinh dài khoảng 150mm. Thân que được làm từ nhựa tiết khuẩn. Phần đầu thân que được khử nhiệt giúp đầu bông bám chắc thân que. -Quy cách: ≤ 5 que/túi. Sản phẩm được tiết trùng -Đạt tiêu chuẩn ISO, CE và GMP. -Kiểm nghiệm Bông y tế đạt theo yêu cầu Dược Điển Việt Nam V	Que	111.000
1.2. Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương				
5	Cồn 70 độ, can 30 lít	Cồn sử dụng trong y tế. Nồng độ cồn chính xác và ổn định. Methanol đáp ứng chứng nhận phù hợp QCVN 6-3:2010/BYT. Nồng độ cồn 70% ổn định trong thời gian dài, can ≤ 30 lít	lít	720
6	Cồn 90 độ, can 30 lít	Cồn sử dụng trong y tế. Nồng độ cồn chính xác và ổn định. Methanol đáp ứng chứng nhận phù hợp QCVN 6-3:2010/BYT. Nồng độ cồn 90% ổn định trong thời gian dài, can ≤ 30 lít	lít	480

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
7	Cồn sát khuẩn thường quy và ngoại khoa + đầu phun sương. Chai 1 lít	Thành phần chính: 10% w/w n-propanol; 66,5% w/w ethanol. Thành phần khác: Glycerin, isopropyl myristate, allantoin, phosphoric acid. Không gây kích ứng hoặc khô da, bong tróc da khi sử dụng. Dung dịch trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng của cồn. Phù hợp với thiết bị phun cồn tự động GUD-1000BT. Chai 1 lít	Chai	550
8	Dung dịch đa enzyme ngâm dụng cụ (kiềm nhẹ, ít bọt)	Thành phần: Protein-degrading enzyme (protease): 0,5%w/w, lipid-degrading enzyme (lipase): 0,025%w/w, starch-degrading enzyme (amylase): 0,05%w/w, cellulose-degrading enzyme (cellulase): 0,025%w/w, alkaline agent (Kiềm): 9%w/w. pH: 8-9 (kiềm yếu) Dùng cho rửa bằng tay / rửa máy sóng siêu âm. Can 4 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 14001	can	18
9	Dung dịch enzyme tính kiềm dùng cho máy rửa, ít bọt	Thành phần: Protein degrading enzyme (protease), surfactant (Sopborolipid), alkaline agent, enzyme stabilizer, anti-corrosion agents Có khả năng làm sạch vết bẩn cacbohydrat, lipid và protein. Ít tạo bọt, sử dụng được trong các máy tự động. Can 4 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 14001	can	12
10	Dung dịch khử khuẩn nhanh các bề mặt chứa Didecyldimethyl ammonium chloride, Chlorhexidine digluconate. Chai 1 lít	Thành phần: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,6% Ethanol. Khử khuẩn nhanh các bề mặt Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn, diệt nấm EN 13697. Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) từ 1 phút. Hoặc tương đương thành phần, tác dụng. Chai 1 lít	Chai	400
11	Dung dịch khử trùng dụng cụ, chứa orthophthalaldehyde, can 5 lít	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn: diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...), diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...), diệt virus EN 17111 (Adenovirus...), diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium...) Tái sử dụng trong 14 ngày, có test thử để kiểm tra nồng độ OPA Hoặc tương đương thành phần, tác dụng. Can 5 lít	can	64

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
12	Dung dịch làm sạch, tẩy rửa dụng cụ y tế, can 5 lít	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) Hiệu quả loại bỏ màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0,1% (máy rửa) pH = 6,8-7,3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau. Can 5 lít	Can	270
13	Dung dịch làm sạch, tẩy rửa dụng cụ y tế, chai 1 lít	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) Hiệu quả loại bỏ màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0,1% (máy rửa) pH = 6,8-7,3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau. Chai 1 lít	chai	370
14	Dung dịch phun sương khử khuẩn dạng sương mù khô	Thành phần: - Hydrogen peroxide (H ₂ O ₂) ổn định trong dung dịch 6% (60ml/l). Hợp chất Bạc 17 ppm - C11-15 Secondary Ethoxylated 0,08%. - Nồng độ phun: 1ml/m ³ . Phổ diệt khuẩn: diệt nấm, diệt vi rút, diệt nấm men, diệt lao, bào tử, diệt vi khuẩn... (Escherichia coli, Enterococcus hirae, Staphylococcus aureus, Pseudomonas Aeruginosa, Candida Albican, Aspergillus brasiliensis, Bacillus Subtilis, Clostridium Difficile, Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium, Phage P001, Phage P008, Adenovirus, Murine norovirus). Đạt tiêu chuẩn ISO, EN 17272. Quy cách: bình 2 lít	lít	20
15	Dung dịch rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme không cần pha loãng	Thành phần: Protease kép, Diisobutylphenoxyethoxyethyl dimethyl benzylammonium chloride monohydrate, Chất hoạt động bề mặt, Tris (hydroxymethyl) aminomethane Dạng xịt bột, không cần phải pha loãng. An toàn cho cao su, nhựa, thép không gỉ, thép carbon, kim loại mềm. Hoặc tương đương thành phần, tác dụng. Chai ≥ 710ml	Chai	30
16	Dung dịch rửa tay phẫu thuật chứa Chlorhexidine Digluconate 4%, can 5 lít	Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4%, pH = 5,5 Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus HIV, Rotavirus, HBV, HCV. Can 5 lít	can	120

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
17	Dung dịch rửa tay phẫu thuật chứa Chlorhexidine digluconate 4%, chai 1 lít	Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4%, pH = 5,5 Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus HIV, Rotavirus, HBV, HCV. Không gây hại cho da tay Chai 1 lít	chai	320
18	Dung dịch tẩy rửa và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế chứa N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate, Chlorhexidine digluconate và các enzym protease, lipase, amylase, chai 1 lít	Thành phần: 14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase Làm sạch và khử nhiễm. Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Đạt tiêu chuẩn: - ISO 15883 (loại bỏ màng Biofilm) - Diệt khuẩn EN 14561 (Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Enterococcus hirae...) - Diệt virus EN 14476 (HIV-1, HBV, HCV, HSV 1...) - Diệt virus có vỏ bọc theo tiêu chuẩn EN 17111 (Vaccinia virus...) Hoặc tương đương thành phần, tác dụng. Chai 1 lít	Chai	330
19	Gel sát khuẩn tay nhanh chứa Ethanol, Propanol, chai chân không 1 lít	Thành phần: 70 % Ethanol (700mg/g) + 1,74% propanol-2-ol Dạng thixotropic gel, không màu, không mùi Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus HIV, Rotavirus, Coronavirus, H1N1, SARS trong 30 giây theo tiêu chuẩn EN 14476 Hoặc tương đương thành phần, tác dụng. Chai chân không 1 lít	Chai	50
20	Viên nén khử khuẩn bề mặt	- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương. Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH 6,2 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2,5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên	Viên	5.000
NHÓM 2: BĂNG, GẠC, VẬT LIỆU CÀM MÁU, ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG				
2.1. Băng				
21	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm	Băng keo cá nhân phủ keo acrylate Không thấm nước và thoát khí Kích thước: 72mm x 19mm (±2%) Lực bóc tách: ≥1,0N/cm Độ bám dính liên tục: ≤2,5mm sau 30 phút Khả năng thấm nước >500%. Băng dính tốt, không gây kích ứng da Hộp 100 miếng, tiệt trùng	Hộp	840
22	Băng thay chỉ khâu da 1,27cm x 10cm x 6 dài băng	Sợi băng polyester+ rayon phủ keo y tế Acrylate, Giấy lót phủ silicon: 50-70%, kích thước 1,27cm x 10cm x 6 dài băng	miếng	500

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
23	Băng thun 2 móc 7.5cm x 4.5m	Chất liệu: sợi Polyester và sợi cao su 2 móc, kích thước 7,5cm x 4,5m. 1 cuộn/ gói, không tiết trùng.	cuộn	260
24	Băng thun 3 móc, 10cm x 5.5m	Chất liệu: sợi Polyester, sợi cao su, 3 móc, kích thước 10cm x 5,5m. Độ giãn tối đa 200%.	Cuộn	900
25	Băng phim trong vô trùng, ngoại vi có xẻ rãnh	- Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 5-15%, phủ lớp keo acrylate khoảng 5- 25%, ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm (HIV-1 và HBV), cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. - Không sót keo khi tháo băng. Băng dính ôm sát vào da, co giãn theo chuyển động của da, không bong tróc sau khi dán, không gây kích ứng, dễ dàng quan sát và thăm khám vùng tiêm ở mọi thời điểm - Kích thước: 8,5 cm x 7 cm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim lùn, rãnh xẻ thuận, vị trí xẻ rộng nhất ở mép miếng băng ≤6mm, vị trí xẻ nhỏ nhất ở đầu thuận ≤3mm, chiều dài rãnh xẻ ≤ 1/2 chiều dài miếng băng - Có khung viền giấy giúp dễ cầm khi dán băng giúp băng không bị dính vào nhau khi thao tác. - Gia cố bằng 1 phần băng vải mềm chắc chắn và chêm lót tránh đè cản các thiết bị vào da - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định. - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA	Miếng	14.000
26	Băng keo giấy y tế	Nền giấy + Acrylic Polymer: 60-70%. Nền keo Acrylate: 25-30%. Kích thước: 1.255cm x 9,1m	Cuộn	216
2.3. Gạc, băng gạc điều trị các vết thương				
27	Băng dán hydrocolloid siêu mỏng, 10cm x 10cm	Gạc vô trùng có khối hydrocolloid được phủ trên lớp nền polyurethane, loại mỏng, kích thước 10cmx10cm	miếng	200
28	Gạc dẫn lưu 0.75cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Chất liệu: vải không dệt thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), không mùi. Tiệt trùng. Thẩm hút tối ưu, mềm mại Kích thước 0,75cm x 200cm x 4 lớp	Cuộn	1.200
29	Gạc dẫn lưu 1.5cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Chất liệu: vải không dệt thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), không mùi. Tiệt trùng. Thẩm hút tối ưu, mềm mại Kích thước 1,5cm x 200cm x 4 lớp	Cuộn	500
30	Gạc dẫn lưu 2.5cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Gạc dẫn lưu 2,5cm x 200cm x 4 lớp được làm từ vải không dệt thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), không mùi. Đóng gói tiệt trùng từng miếng. Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Cuộn/ miếng	500

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
31	Gạc 20cm x 20cm x 8 lớp, vô trùng	Chất liệu: 100% cotton, sợi chắc, mịn, không mùi, trắng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn, mềm, không gây kích ứng da. -Kích thước: 20cm x 20cm x 8 lớp	Miếng	1.600
32	Gạc y tế 10cm x 10cm x 6 lớp, không vô trùng	Sợi cotton 100%, trắng, mềm, mịn, không mùi, không gây kích ứng da, không vô trùng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Thấm hút tối ưu, mềm mại. Sợi vải không bị bung tưa khi cắt gạc Kích thước 10cm x 10cm x 6 lớp. Gói 100 miếng	Gói	1.200
33	Gạc y tế 10cm x 10cm x 6 lớp, vô trùng	Sợi cotton 100%, trắng, mềm, mịn, không mùi, không gây kích ứng da, vô trùng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Kích thước 10cm x 10cm x 6 lớp. Gói 10 miếng, vô trùng	Gói	49.000
34	Gạc 5*5*8 lớp, chưa tiệt trùng	100% sợi cotton. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Được sử dụng trong nha khoa để thấm máu và dịch tiết Kích thước: 5cm*5cm*8 lớp, chưa tiệt trùng	gói/100 miếng	100
2.4. Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương				
35	Gạc cầm máu mũi 8 x 2 x 1.5(cm)	Chất liệu: vật liệu xốp PVA có cấu trúc lỗ mở 100% , dạng lưới Kích thước lỗ 0,0001mm - 0,2mm, giảm thiểu xâm nhập mô Độ tinh khiết cao. 100% không chất xơ, không bị vụn Thấm hút nhanh (ưa nước) Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng của chính nó. Đóng gói chân không, tiệt trùng Kích thước 8 x 1,5 x 2 (cm)	Miếng	100
NHÓM 3: BƠM, KIM TIÊM, DÂY TRUYỀN, GẮNG TAY VÀ VTYT SỬ DỤNG TRONG CSNB				
3.1. Bơm tiêm				
36	Bơm tiêm 50ml cho ăn	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xylanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml - Pít tông di chuyển dễ dàng trong xylanh - Đóng gói tiệt trùng từng cái - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	cái	50
37	Bơm tiêm đếm giọt	- Vật liệu PP (Polypropylene) - Dùng cho bơm tiêm điện - Độ trong suốt và độ tương phản cao - Thẻ tích tồn dư nhỏ - Đầu nối Luer Lock - Pitong kín chống sự rò rỉ - Không có kim tiêm kèm theo rút tối đa 24ml - ISO 10993, ISO 13485:2012, CE	cái	100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
38	Bơm tiêm nhựa 10ml 23G*1", vạch 1ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim, hạn chế khí vào xy lanh - Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE/FDA, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	cái	70.900
39	Bơm tiêm nhựa 5ml, kim 23G*1	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu pít tông - Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE/FDA, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	159.000
40	Bơm tiêm nhựa 20ml 23G*1"	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu pít tông - Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE/FDA, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	90.700

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
41	Bơm tiêm nhựa 5ml, kim 25G*1	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu pít tông - Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE/FDA, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	2.000
42	Bơm tiêm 1ml + kim 26G*1/2"	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim, hạn chế khí vào xy lanh - Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE/FDA, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	600
43	Bơm tiêm Insulin 100 đơn vị kim 30G	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2", 30Gx5/16" - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim, hạn chế khí vào xy lanh - Đóng gói tiệt trùng từng cái, không có độc tố và chất gây sốt	Cái	500
	3.2. Kim tiêm			
44	Kim chích 18G 1-1/2	Dùng được cho tất cả các loại bơm tiêm. Kim 18G, sắc bén, không có độc tố DEHP, không chất gây sốt.	cây	48.000
45	Kim luân có cánh có cổng 18G, 20G, 22G, có cán quang	Kích cỡ: 18G/20G/22G x 3/4" Thân kim thép không gỉ; thân ống cannula bằng FEP; có 3 đường cán quang ngấm trong ống cannula; có cổng tiêm thuốc với van một chiều, đầu kim cắt vát 2 lần, thành 3 mặt mài dũa góc xiên, sắc bén; đốc kim trong suốt để theo dõi lượng máu chảy ra; thời gian lưu kim liên tục cho bệnh nhân ≥ 72 giờ, số 18G: dài 45mm, dòng chảy: 90ml/ph; số 20G: dài 33mm, dòng chảy: 61ml/ph; số 22G: dài 25mm, dòng chảy: 36ml/ph, cánh kim có lỗ khâu cố định kim khi cần	cây	21.800
	3.5. Dây truyền, dây dẫn			

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
46	Dây cho ăn nhựa mềm, có nắp đậy, size 6,10,12,14,16	Kích cỡ: 06Fr ~ 16Fr Dây bằng PVC đã loại DEHP và cao su, sử dụng tối đa 4 tuần; đầu ống bo tròn; dây cân quang dài 50cm, có chia vạch từng 1cm đến 40cm; đóng gói thẳng không cuộn tròn dây tránh gây gấp	cái	200
47	Dây oxy 2 nhánh	Kích cỡ: người lớn, trẻ em 2 nhánh, nhựa PVC, không gây kích ứng, màu trắng/xanh ve chai nhạt, dài $\geq 1,8$ m; lòng dây hình sao đường kính 5mm, đầu luôn mũi cong mềm mại tiếp xúc vùng mũi bệnh nhân không gây khó chịu, đóng gói tiệt trùng từng cái Tiêu chuẩn: ISO/ CE/ FDA	Sợi	450
48	Dây truyền máu	Chất liệu: nhựa dùng cho y tế, trong suốt dễ quan sát, trơn láng, không gây vón cục máu, độ pH trung tính. Dây dài ≥ 1500 mm, Thích hợp sử dụng cho tất cả các loại túi máu. Không có chất DEHP. Đóng gói riêng biệt tiệt trùng từng cái	sợi	200
49	Khóa 3 ngã có dây 50cm	Nhựa polycarbonate tại thân chống nứt gãy rò rỉ. Dây nối và khóa vận bằng nhựa trơn láng không bị rít, xoay 360 độ dễ dàng, đóng gói vô trùng từng cái, 50cm	Cái	1.000
3.6. Găng tay				
50	Găng tay kiểm tra dùng trong y tế các size	Kích cỡ: XS, S, M, L Găng latex có bột, dài tối thiểu 230mm, lớp găng mỏng dai, mặt ngoài găng có độ nhám ma sát khi cầm nắm, tổng lượng bột ≤ 150 mg/găng, mức tổng lượng protein $< 200\mu$ g/g, độ dày: ngón tay $0,12 \pm 0,03$ mm, bàn tay $0,08$ mm, cổ tay $0,1$; độ kéo rách: trước khi lão hóa tối thiểu 18Mpa sau khi lão hóa tối thiểu 16Mpa, độ giãn (%): trước khi lão hóa tối thiểu 650%; sau khi lão hóa tối thiểu 500%; Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA, sản xuất tại các nước Bắc Mỹ, Châu Âu, Đông Nam Á	Đôi	270.000
51	Găng tay khám và điều trị nha khoa có bột các size	Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột nhẹ, không kích ứng da, dùng 1 lần, màu trắng tự nhiên. Chiều dài vừa tay, size XS, S, M	Đôi	596.000
52	Găng khám MicroTouch Dermaclean không bột các size	Găng cao su không bột, lớp găng mỏng dai, mặt ngoài găng có độ nhám ma sát khi cầm nắm, độ dày: ngón tay $0,13 \pm 0,03$ mm, bàn tay $0,11 \pm 0,03$ mm, cổ tay $0,1$ mm. Chiều dài vừa tay, size S, M	Đôi	513.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
53	Găng tay tiệt trùng chuyên dùng cho phẫu thuật răng hàm mặt các size	Kích cỡ: size 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5 Đđkt: dài tối thiểu 285mm, bề mặt trong phủ polymer trơn láng dễ mang, loại trừ các protein dư thừa giảm thiểu dị ứng cho phẫu thuật viên mức protein < 50µg/g, độ dày ngón tay 0.21 ± 0.02 mm, lòng bàn tay 0.2 ± 0.02 mm, cổ tay 0.17 ± 0.03mm, độ giãn dài trước khi lão hóa 700%, sau khi lão hóa 550% , lực kéo giãn trước ≥ 12.5N và sau lão hóa ≥ 9.5N, có khả năng chống virus xâm nhập (ASTM F1671 Phi X 174), công nghệ micro-texture tại lòng bàn tay và đầu ngón tay, đầu ngón tay bo tròn khít, AQL: 0.65 Tiệt trùng bằng tia GAMMA TCSX: ISO 13485; ISO9001; EN 556. TCCL SP: EN 455; MDR Xuất xứ: Đông Nam Á	Đôi	115.700
3.7. Túi, lọ và vật tư bao gói khác				
54	Lọ nhựa PS 50ml (Lọ thử nước tiểu)	Chất liệu: nhựa PE, PS. Nắp màu vàng hoặc đỏ. Có dán nhãn đề ghi thông tin bệnh nhân. Dung tích: 50 ml	lọ	14.800
55	Ống nghiệm không nắp	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, không nắp, không nhãn, dung tích tối đa 6ml ± 0,1ml.	ống	3.000
56	Ống nghiệm chimie	Ống nghiệm nhựa kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0,1ml, nắp nhựa màu xám, có vạch chỉ đúng thể tích trên nhãn ống. Chứa chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2 cho 2ml máu, ống được đóng trên hộp để thấp	ống	27.000
57	Ống nghiệm Citrate	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0,1ml, nắp nhựa màu xanh lá cây. Chứa Trisodium Citrate Dihydrate 3,8% kháng đông cho 1ml máu và có vạch chỉ đúng thể tích trên nhãn ống. Ống được đóng trên đế mous thấp.	ống	57.600
58	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0,1ml, nắp nhựa màu xanh dương. Chứa EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 1ml máu và có vạch chỉ đúng thể tích trên nhãn ống. Ống được đóng trên hộp để thấp.	ống	57.600
59	Ống nghiệm Edta K2 nắp cao su bọc nhựa	tube PP trung tính, 2ml, chứa hóa chất kháng đông EDTA	ống	
60	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 50mm x 200m	Có 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy ≥ 70 g/m2, màng film hai lớp: PET dày 12 µm và CPP dày 40 µm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước. Chỉ thị màu túi ép chuyển màu rõ, đồng nhất, dễ phân biệt trước và sau khi tiệt khuẩn. Có hình chụp chỉ thị đổi màu thực tế của sản phẩm. Không bị đọng nước bên trong túi sau khi tiệt khuẩn. Số lô, ngày sản xuất in rõ dọc theo các mối hàn ngăn ngừa mực in xâm nhập vào trong bao gói Lực vết dán đo theo ASTM F88 > 4,0 N/15mm. Kích thước 50mm x 200m	Cuộn	255

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
61	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 75mm x 200m	Có 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy ≥ 70 g/m², màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày 40 μm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước. Chỉ thị màu túi ép chuyển màu rõ, đồng nhất, dễ phân biệt trước và sau khi tiệt khuẩn. Có hình chụp chỉ thị đổi màu thực tế của sản phẩm. Không bị đọng nước bên trong túi sau khi tiệt khuẩn. Số lô, ngày sản xuất in rõ dọc theo các mối hàn ngăn ngừa mực in xâm nhập vào trong bao gói Lực vết dán đo theo ASTM F88 $>4,0$ N/15mm. Kích thước 75mm x 200m	Cuộn	880
62	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 100mm x 200m	Có 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy ≥ 70 g/m², màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày 40 μm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước. Chỉ thị màu túi ép chuyển màu rõ, đồng nhất, dễ phân biệt trước và sau khi tiệt khuẩn. Có hình chụp chỉ thị đổi màu thực tế của sản phẩm. Không bị đọng nước bên trong túi sau khi tiệt khuẩn. Số lô, ngày sản xuất in rõ dọc theo các mối hàn ngăn ngừa mực in xâm nhập vào trong bao gói Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.0 N/15mm. Kích thước 100mm x 200m	Cuộn	82
66	Túi hấp tiệt trùng 60mm x 130mm (tự dán)	- Chất liệu: Giấy y tế xốp chất lượng cao và nhựa chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Thích hợp cho qui trình tiệt trùng hơi nước - Chất liệu dày dặn, không bị rách, miệng túi dán kín, không bị bung keo sau khi tiệt khuẩn - Chỉ thị chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Kích thước: 60mm x 130mm ($\pm 10\%$) - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Miếng/Cái	7.800
64	Túi hấp tiệt trùng 135mmx280mm (tự dán)	- Chất liệu: mật độ giấy ≥ 70 g/m² và màng film, chịu được nhiệt 121oC - 140oC - Thích hợp cho qui trình tiệt trùng hơi nước - Chất liệu dày dặn, không bị rách, miệng túi dán kín, không bị bung keo sau khi tiệt khuẩn - Chỉ thị chuyển màu đồng nhất, dễ dàng nhận biết trước và sau khi tiệt khuẩn - Kích thước: 135mm x 280mm ($\pm 5\%$)	Hộp	30

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
65	Túi hấp tiệt trùng 190mmx360mm (tự dán)	Đạt chuẩn: ISO, CE Giấy y tế 70gr; film PET/CPP 0,052mm. màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập Độ thấm khí: $\geq 11.4 \mu\text{m}/\text{mn}$ Kích thước lỗ rỗng: $\geq 20 \mu\text{m}$ Khả năng chống thấm nước: $\geq 35\text{s}$ Rào cản hiệu quả đối với vi sinh vật lên đến 12 tháng sau khi khử trùng, chỉ thị hóa học ổn định lên đến 6 tháng sau khi khử trùng Thích hợp cho qui trình tiệt trùng hơi nước - Chất liệu dày dặn, không bị rách, miệng túi dán kín, không bị bung keo sau khi tiệt khuẩn - Chỉ thị chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn - Kích thước: 190mm x 360mm ($\pm 5\%$)	Miếng	8.100
66	Túi hấp tiệt trùng 200mm x 200m	Có 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy $\geq 70 \text{ g}/\text{m}^2$, màng film hai lớp: PET dày $12 \mu\text{m}$ và CPP dày $40 \mu\text{m}$. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước. Chỉ thị màu túi ép chuyển màu rõ, đồng nhất, dễ phân biệt trước và sau khi tiệt khuẩn. Có hình chụp chỉ thị đôi màu thực tế của sản phẩm. Không bị đọng nước bên trong túi sau khi tiệt khuẩn. Số lô, ngày sản xuất in rõ dọc theo các mối hàn ngăn ngừa mực in xâm nhập vào trong bao gói. Lực vết dán đo theo ASTM F88 $> 4.0 \text{ N}/15\text{mm}$. Kích thước 200mm x 200m	Cuộn	115
67	Túi đựng nước tiểu	Túi/dây dẫn bằng nhựa PVC, không chứa cao su; túi được hàn 2 đường chắc chắn, túi chứa 2000ml có chia vạch	Cái	100
NHÓM 4: ỐNG THÔNG, ỐNG DẪN LƯU, ỐNG NỐI, DÂY NỐI, CHẠC NỐI, CATHETER				
68	Chỉ khâu vi phẫu 8/0-12/0	Dùng để nối mạch máu và thần kinh Chỉ Nylon monofilament hoặc Polypropylen monofilament. Kích thước 8/0 đến 12/0. Chiều dài 15 - 25cm - Kim khâu: vật liệu cứng SUS304, đầu nhọn hình búp măng nhọn dễ dàng xuyên thấu các mô. Độ cong 135 độ, chiều dài 3-5mm, độ dày 80, 100, 140, 150 micromet. - Đóng gói tiệt trùng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Tép	60
69	Chỉ không tan tổng hợp 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 20mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tổng hợp, đơn sợi. - Chỉ bằng polyamide 6-6.6, có lớp bao phủ silicon, màu xanh dương. Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt. Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 20mm, bằng thép 302 không gỉ, phủ silicon. - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Tép	80

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
70	Chỉ không tan tổng hợp 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 16 mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tổng hợp, đơn sợi. - Chỉ bằng polyamide 6-6.6, có lớp bao phủ silicon, màu xanh dương. Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt. Kích cỡ: số 5/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 16mm, bằng thép 302 không gỉ phủ silicon. - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Sợi	1.545
71	Chỉ không tan tổng hợp 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tổng hợp, đơn sợi. - Chỉ bằng polyamide 6-6.6, có lớp bao phủ silicon, màu đen. Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt. Kích cỡ: số 6/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 13mm, bằng thép 302 không gỉ phủ silicon. - Độ trơn, dễ khâu, không bị rớt, đứt - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Tép	3.230
72	Chỉ không tan tổng hợp 7/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 13mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tổng hợp, đơn sợi. - Chỉ bằng polyamide 6-6.6, có lớp bao phủ silicon, màu đen. Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt. Kích cỡ: số 7/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 13mm, bằng thép 304 không gỉ phủ silicon. - Độ trơn, dễ khâu, không bị rớt, đứt - Đóng gói tiệt trùng từng cái	tép	240
73	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 số 5/0 kim 3/8c 16mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 6,67N. Đóng gói tiệt trùng từng sợi Tiêu chuẩn: ISO và CE/ FDA	Tép	220
74	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide số 8 dài 13cm, 1 kim tròn đầu tròn, dài 6.5mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 8/0 dài 13cm, kim tròn đầu tròn, khâu mạch máu, dài 6.5mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim alloy (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Tiêu chuẩn ISO và FDA/CE, sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	sợi	54
75	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide số 9 dài 13cm, 1 kim tròn đầu tròn, dài 5.1mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 9/0 dài 13cm, kim tròn đầu tròn, khâu mạch máu, dài 5,1mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE, sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	tép	48

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
76	Chỉ không tan tự nhiên 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 24 mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tự nhiên, đa sợi bền, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, sợi tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. Kích cỡ: số 2/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 24mm, bằng thép 302 không gỉ phủ silicon. - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Tép	1.300
77	Chỉ không tan tự nhiên 3-0 Không kim, 150 cm, không kim, dài 150cm	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0 không kim dài 150 cm, làm từ protein hữu cơ - sợi tơ tằm (lụa), có phủ sáp, sợi bền rất chắc, giúp dễ thao tác, không gây hiện tượng mao dẫn. Chỉ màu đen hoặc trắng, Phẫu thuật tổng quát, khâu da, làm chỉ buộc. Được đóng gói tiệt trùng EO từng tép.	Tép	210
78	Chỉ không tan tự nhiên 4/0, 75cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 18mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tự nhiên, đa sợi bền, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 18mm, bằng thép 302 không gỉ phủ silicon. - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Tép	130
79	Chỉ không tan tự nhiên 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 16mm	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 16 mm, làm từ protein hữu cơ - sợi tơ tằm (lụa), có phủ sáp, sợi bền rất chắc, giúp dễ thao tác, không gây hiện tượng mao dẫn, Chỉ màu đen hoặc trắng, kim làm bằng thép cứng, không gỉ, không cong, không gãy, kích cỡ chỉ và kim phù hợp theo yêu cầu. Được đóng gói tiệt trùng EO từng tép.	tép	226
80	Chỉ không tan tự nhiên số 7/0, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 13 mm	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu, tự nhiên, đa sợi bền, có phủ sáp, màu đen. Chỉ bền chắc chắn, tròn, không gây hiện tượng mao dẫn. Kích cỡ: số 7/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 13mm, bằng thép 302 không gỉ phủ silicon. - Độ tròn, dễ khâu, không bị rớt, đứt - Đóng gói tiệt trùng từng cái	tép	120
81	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, dài 75cm, 1 kim tròn dài 31mm 1/2 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu hình thoi, dài 31mm 1/2 vòng tròn, bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	484

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
82	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, dài 75cm, 1 kim tam giác dài 19mm 3/8 vòng tròn	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác thuận dài 19 mm 3/8 vòng tròn, bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Độ trơn, dễ khâu, không bị rôi, đứt Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	1.470
83	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, dài 26mm 1/2 vòng tròn bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	264
84	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 45cm, 1 kim tam giác ngược dài 16mm	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược dài 16mm bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	222
85	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 75cm, 1 kim tam giác thuận dài 16mm 3/8 vòng tròn	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác thuận dài 16mm, 3/8C, bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Độ trơn, dễ khâu, không bị rôi, đứt Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	4.330

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
86	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn dài 20mm 1/2 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, dài 20mm 1/2 vòng tròn, làm bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	tép	3.052
87	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0, dài 45cm, 1 kim tam giác thuận dài 16mm 3/8 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác thuận dài 16mm 3/8 vòng tròn, làm bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Độ trơn, dễ khâu, không bị rối, đứt. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	1.108
88	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0, dài 45cm, 1 kim tam giác ngược dài 11mm 3/8 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược dài 11mm 3/8 vòng tròn, bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Độ trơn, dễ khâu, không bị rối, đứt. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	622
89	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 7/0, dài 30cm, 2 kim tròn đầu hình thang dài 6.5mm 3/8 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 7/0 dài 30cm, 2 kim kim đầu hình thang dài 6.5mm 3/8 vòng tròn, bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	Tép	288

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
90	Chi tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone 4/0 70cm, kim tròn đầu tròn 20mm, 1/2 vòng tròn	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng thép alloy/Ethalloy (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Độ trơn, dễ khâu, không bị rớt, đứt. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	tép	126
91	Chi tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone 5/0 70cm, kim tam giác 16mm	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 70cm, 1 kim tam giác thuận dài 16mm 3/8 vòng tròn, bằng thép alloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MPa. lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Độ trơn, dễ khâu, không bị rớt, đứt. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA/CE. Sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	tép	336
92	Chi tan tự nhiên 4/0 75cm, kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 16mm	Chi khâu phẫu thuật tự tiêu, tan chậm, đơn sợi. - Chi bằng collagen tinh khiết, màu nâu. Chi giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 16mm, bằng thép không gỉ 302 phủ silicon. - Độ trơn, dễ khâu, không bị rớt, đứt - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Tép	3.114
93	Dây hút đàm có khóa số 8, 10, 12, 14	Kích cỡ: số 8-14 Dây bằng nhựa PVC pha silicone trung tính (mềm hơn khi vào cơ thể người), không gây kích ứng, màu xanh ve chai nhạt/ trong, dài 500cm; đầu luôn bo tròn tránh tổn thương niêm mạc, có sợi cản quang, nắp đậy kiểm soát tốc độ hút, đóng gói vô trùng.	Sợi	13.500
94	Dây hút dịch phẫu thuật đường kính 8 mm, dài 2m	Chất liệu: nhựa PVC chính phẩm, ống dây có gân dọc theo thân ống chống xoắn. Đặc điểm: Ống dây mềm dẻo, không bị rò rỉ, không bị bẹp khi hút dịch, không bị chảy xước. Hai đầu nối nhựa mềm dẻo. Kích thước: đường kính 8 mm, dài 2 mét Bao bì 2 lớp: 1 bao bì ngoài là giấy ép tiệt trùng một mặt giấy 1 mặt màng nhựa có in chỉ thị tiệt trùng, 1 bao bì trong bằng nylon. Tiệt trùng theo tiêu chuẩn ISO 11135:2014 hoặc tương đương	sợi	40.000
95	Lưỡi cưa vi phẫu GC583R	Lưỡi cưa gấp góc dùng cho GB128R, kt 8/10. 5/0.5/0.6mm, chuỗi 55mm	Cái	80
96	Lưỡi cưa vi phẫu GC655R	Lưỡi cưa tịnh tiến dùng cho tay cưa GB 130R của máy cưa xương Aesculap, kích thước 25/0.4/0.6mm	Cái	200

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
97	Lưỡi cưa vi phẫu GC909R	Lưỡi cưa tịnh tiến dùng cho tay cưa GB 391R của máy cưa xương Aesculap, kích thước 33/0.4/0.6mm	Cái	100
98	Lưỡi dao 15C	Lưỡi dao số 15C bằng thép carbon, không gỉ, sắc mảnh, đóng gói tiệt trùng từng cái	cái	4.000
99	Lưỡi dao mổ Feather số 15 hoặc tương đương	- Chất liệu : Thép không gỉ. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật tại mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. - Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	299
	Lưỡi dao mổ số 10, 11, 15	Kích cỡ: 10, 11, 15 Chất liệu: thép y tế không gỉ cao cấp của Nhật Đđkt: lưỡi dao sắc, mảnh bằng thép y tế không gỉ của Nhật, dày 0.38mm, độ cứng 720HV, mũi dao có góc 27 độ trừ số 11 có góc 22 độ; chiều dài lưỡi/dao/độ rộng (mm) của dao số 10: 27/40/7; số 11: 23/41/6; số 15: 12/38/6, rãnh gài cán dao dài 18mm Đóng gói vô trùng 1cái/gói bọc vỏ nhôm Xuất xứ: G7		64.000
100	Lưỡi dao mổ số 12	Chất liệu: thép y tế không gỉ Lưỡi dao sắc, mảnh, đúng kiểu dáng từng cỡ dao theo chuẩn quốc tế, Kích cỡ số 12 Đóng gói tiệt trùng từng cái Tiêu chuẩn: ISO và CE/FDA, sản xuất tại các nước Mỹ, Đức, Nhật Bản	Cái	5.000
NHÓM 5: KIM KHÂU, CHỈ KHÂU, DAO PHẪU THUẬT				
101	Ống khí quản đè lưỡi số 1,2,3	Chất liệu: PE không độc hại, không gây kích ứng, số 1, 2, 3. Gói 1 cái tiệt trùng.	cái	660
102	Ống nâng gây mê/ống nối nội khí quản, có lỗ hút đàm	Chất liệu: PVC y tế Ống xếp nếp co giãn và xoay chuyển 360 độ, có cổng hút đàm, và đo khí CO2, 2 đầu kết nối chuẩn 15mmF/22mmF; chiều dài ≥ 20cm Đóng gói tiệt trùng từng cái. Tiêu chuẩn: ISO và CE/FDA	cái	315
103	Ống nội khí quản cong miệng có bóng số 3.0-4.5	Kích cỡ: số 3.0 -> 4.5, có bóng Ống bằng PVC nhạy nhiệt không latex mềm theo đường cong khí quản khi luồn; ống cong chữ U luồn đường miệng; mũi đầu ống bo tròn lại (hình mũi trâu), có dây cảm quang, bóng chèn hình oval có áp lực bóng thấp < 27cm H2O, Kính cỡ ống trong và ngoài, đ.kính bóng và chiều dài ống NKQ theo size như sau (mm): 5.0/6.8/15/245; 5.5/7.6/18.0/256; 6.0/8.2/18.0/281; 6.5/8.9/23/281; 7.0/9.6/26/305; 7.5/10.2/26/318 Đóng gói tiệt trùng 1c/gói - Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA; sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	cái	104

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
104	Ống nội khí quản cong miệng không bóng số 3.0-4.5	Ống nội khí quản không bóng, cong miệng * Vật liệu trong suốt PVC phủ silicone, không phthalate - Van bơm bóng có in thông tin đường kính trong của ống * Kích cỡ: từ 3.0 đến 9.0, OD từ 4.2 - 12.3mm. Một số cỡ thông dụng: 6.0 (OD= 8.2 mm, chiều dài ống= 255mm) 7.0 (OD=9.7 mm, chiều dài ống= 275mm) 8.0 (OD=11.0 mm, chiều dài ống= 295mm) * Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ Châu Âu	cái	700
105	Ống nội khí quản cong miệng (có bóng) số 5.0-8.0	Kích cỡ: số 5.0 -> 8.0, có bóng Ống bằng PVC nhạy nhiệt không latex mềm theo đường cong khí quản khi luồn; ống cong chữ U luồn đường miệng; mũi đầu ống bo tròn lại (hình mũi trâu), có dây cảm quang, bóng chèn hình oval có áp lực bóng thấp < 27cm H2O, Kính cỡ ống trong và ngoài, đ.kính bóng và chiều dài ống NKQ theo size như sau (mm): 5.0/6.8/15/245; 5.5/7.6/18.0/256; 6.0/8.2/18.0/281; 6.5/8.9/23/281; 7.0/9.6/26/305; 7.5/10.2/26/318 Đóng gói tiệt trùng 1c/gói - Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA; sản xuất tại các nước thuộc G7, Bắc Mỹ	cái	1.360
106	Ống nội khí quản cong mũi có bóng số 6.0-6.5	Ống bằng PVC nhạy nhiệt không cao su mềm theo đường cong khí quản khi luồn; ống cong chữ Z luồn đường mũi; mũi đầu ống bo tròn lại (hình mũi trâu), có dây cảm quang, bóng chèn hình oval có áp lực bóng thấp < 27cm H2O. Số 6.0-6.5 Đóng gói tiệt trùng 1cái/gói	Cái	6.000
107	Ống nội khí quản cong mũi, mềm số 6.0; 6.5	* Ống nội khí quản cong mũi, nguyên liệu Ivory PVC. * Bóng nhúng mềm thành mỏng (0.06mm), đường kính lớn (số 7 trở lên có đường kính bóng ≥30mm) * Các kích cỡ: 6-8, OD từ 8.8-11.6mm, chiều dài ống từ 270-305, đường kính bóng từ 23-30mm * Đạt chứng nhận CFG (lưu hành và xuất khẩu) do FDA cấp và có ít nhất 1 CFS G7	cái	360
108	Ống thông tiểu 2 nhánh số 12,14,16	Kích cỡ: ống cỡ CH 12, 14, 16 bóng 30cc, dài 40~42cm Làm bằng cao su thiên nhiên đã được lưu hoá, trong và ngoài thân cao su được bọc một lớp silicone; dung tích bóng 30cc; bề mặt ống thông nhẵn bóng và mềm dẻo. đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Cái	200
109	Thông khí đường mũi PVC các size 3.5;4.0;4.5;5.0;5.5;6.0;6.5	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không phthalate Các size: đường kính trong từ 2.5mm đến 9.0mm, đường kính ngoài từ 3.5mm đến 12.3mm Đóng gói tiệt trùng từng cái	cái	300
NHÓM 8: VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ KHÁC				

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
110	Băng keo chỉ thị màu rộng 2.4cm x 55m	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 2,4cm x 55m - Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%. - Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132-134°C. - Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu sau khi qua tiệt khuẩn và giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. Chỉ thị chuyển màu đồng nhất và rõ sau tiệt khuẩn, dễ dàng tháo/ xé trước khi sử dụng, không để lại vết dơ/ rách trên các vật liệu đóng gói sau tiệt khuẩn Có bảng mô tả kỹ thuật có hình ảnh/ hàng mẫu thể hiện sự biến đổi màu sắc của băng keo chỉ thị trước và sau khi tiệt khuẩn Tiêu chuẩn: ISO và CE/FDA Sản xuất tại các nước thuộc G7	cuộn	800
111	Clip kẹp mạch máu 2 thì titanium loại trung bình 6.2mm x 4.9mm	Clip kẹp mạch máu 2 thì titanium, loại trung bình, kích thước 6.2mm x 4.9mm, cơ chế đóng đầu clip trước	cái	150
112	Clip kẹp mạch máu 2 thì titanium loại trung bình lớn 8.1mm x 7.9mm	Clip kẹp mạch máu 2 thì titanium, loại trung bình lớn, kích thước 8.1mm x 7.9mm, cơ chế đóng đầu clip trước	cái	180
113	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Kích thước 2 x 20 x 150 (mm) Chất liệu: gỗ, thanh dẹp các góc cạnh trơn láng, 2 đầu có dạng tròn. Đóng gói từng que, tiệt trùng	Hộp	1.290
114	Mask gây mê người lớn	Kích cỡ: người lớn Chất liệu PVC (Polyvinyl Clorua) không chứa latex, màu trắng trong, mùi nhựa nhẹ; mặt nạ to, lớp đệm trên mặt mềm ôm khít đến tận cằm không để thoát khí ra ngoài, thanh tựa mũi bằng nhôm điều chỉnh ép sát vào mũi bệnh nhân	Cái	400
115	Mask gây mê trẻ em	Kích cỡ: trẻ em Chất liệu PVC (Polyvinyl Clorua) không chứa latex, màu trắng trong, mùi nhựa nhẹ; mặt nạ to, lớp đệm trên mặt mềm ôm khít đến tận cằm không để thoát khí ra ngoài, thanh tựa mũi bằng nhôm điều chỉnh ép sát vào mũi bệnh nhân	Cái	11
116	Mask oxy người lớn+ dây- 3102	Kích cỡ: người lớn Chất liệu: nhựa PVC (Polyvinyl Clorua) không chứa cao su Cung cấp nồng độ oxy 60%-80% tại mức từ 6 lít/ phút trở lên. Màu trắng trong, mùi nhựa nhẹ không hắc, mặt nạ to, lớp viền trên mặt mềm ôm khít phủ đến tận cằm, dây oxy dài 2.1m, lồng dây hình sao chống gãy gập; túi chứa oxy 600ml-1000ml, co nối loại đa năng	Cái	9

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
117	Mask oxy trẻ em	Kích cỡ: trẻ em Chất liệu: nhựa PVC (Polyvinyl Clorua) không chứa cao su Cung cấp nồng độ oxy 60%-80% tại mức từ 6 lít/ phút trở lên. Màu trắng trong, mùi nhựa nhẹ không hắc, mặt nạ to, lớp viền trên mặt mềm ôm khít phù đến tận cằm, dây oxy dài 2.1m, lòng dây hình sao chống gãy gấp; túi chứa oxy 600ml-1000ml, co nối loại đa năng	cái	1
118	Mặt nạ thanh quản sử dụng 1 lần, 1 nòng các số	Loại 1 nòng silicon tương thích sinh học, latex free, dùng 1 lần * Bóng silicone, mềm, trên lưng bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa khít cổ họng * Giảm thiểu tác động lên huyết động * Có các size từ trẻ em đến người lớn: 1.0/1.5/2.0/2.5/3.0/4.0/5.0, trọng lượng từ <5kg - >70kg, thể tích bóng 4/7/10/14/20/30/40ml * Trên thân ống có in thông tin size-cỡ, thể tích bóng, trọng lượng phù hợp	Cái	80
119	Miếng dán điện cực-điện cực dùng 1 lần	Chất liệu: miếng dán bằng PE-foam, núm điện cực bằng thép không gỉ Kích cỡ: 36x42mm hình oval Gel khô không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, chứa các electrode AgCl dẫn truyền tín hiệu tốt, miếng foam chứa gel dán không gây dị ứng Lớp lót trong bằng vỏ nhôm TCCL: ISO và CE/FDA, sản xuất tại các nước thuộc G7	Miếng	23.600
120	Mở khí quản 2 nòng các số	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng. - Chất liệu: nhựa PVC trong suốt y tế, dẻo cứng ban đầu và mềm ở nhiệt độ cơ thể, không gây kích ứng cho người bệnh - Kích cỡ: 7, 7.5, 8, 8.5, 9, 10 tương ứng đường kính trong từ 6.0 đến 10.0mm, đường kính ngoài từ 9.2 -> 14.0mm, chiều dài từ 64.5 -> 87.5mm, có đường cân quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ - Bóng tròn loại soft-seal mềm - 02 nòng trong, đầu tròn, có mấu ngát giúp cố định nòng trong chắc chắn và dễ dàng khi lấy ra, đầu nối tiêu chuẩn 15M tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Phụ kiện đi kèm: 01 dây cố định mở nội khí quản, 01 cây vệ sinh nòng trong. - Đóng gói tiệt khuẩn	cái	16
121	Tấm điện cực trung tính (dùng 1 lần)	Vật liệu xốp mỏng (foam) PE, Keo dính: dẫn xuất hydrogel, Lớp nền bảo vệ: PETP film. Hình oval, sử dụng được mọi hướng	Cái	195
NHÓM 9: HÓA CHẤT				

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
122	Gói thử lò hấp	Giúp phát hiện khí lạnh còn sót lại trong buồng tiệt khuẩn do lò bị rò rỉ khí, hút loại bỏ khí không đạt, hoặc quá trình hút chân không không đạt. Tờ giấy test dễ dàng đọc kết quả hiển thị để xác định lỗi và có thể lưu trữ tài liệu Có vạch chỉ thị màu Kích thước 12.7 x 11 x 1.7 (cm)	Gói	1.200
123	Gói thử tích hợp chỉ thị sinh học	Gói thử tích hợp chỉ thị sinh học cho kết quả nhanh chứa: 01 ống chỉ thị sinh học 1492V, 01 chỉ thị hóa học 1243A hoặc tương đương. - Thành phần 95-100% giấy, Bột giấy cellulose 1-3%. - Kết quả sau tiệt khuẩn: chỉ thị hóa học cho kết quả rõ, đồng nhất. Thiết kế màu sắc tương phản, dễ tìm thấy trong khay /gói dụng cụ. - Có bảng kĩ thuật có mô tả rõ biến đổi chỉ thị màu trước và sau tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO và FDA/CE, sản xuất tại các nước thuộc G7	Gói	1.000
124	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước	Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, áp suất) kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ nhóm 5 (class 5) dùng cho quy trình tiệt khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Thành phần: Giấy 75%, Aluminum 8%, polypropylene 4%; ($\pm 0,5\%$) - Kích thước: 5,1 x 1,9cm ($\pm 0,5\%$) - Kết quả sau tiệt khuẩn: chỉ thị hóa học cho kết quả rõ, đồng nhất. Thiết kế màu sắc tương phản, dễ tìm thấy trong khay /gói dụng cụ, không bị rã giấy - Có bảng kĩ thuật có mô tả rõ biến đổi chỉ thị màu trước và sau tiệt khuẩn và bảng kỹ thuật hướng dẫn đặt test vào gói hấp dụng cụ - Tiêu chuẩn: ISO và FDA/CE, sản xuất tại các nước thuộc G7	Miếng	70.000
125	Test kiểm soát tiệt trùng vi sinh bằng hơi nước	Chỉ thị sinh học hấp ướt cho kết quả nhanh. Ống chỉ thị sinh học chứa bào tử Geobacillus Stearothermophilus - Thành phần: Ống nhựa 50-60%, Nắp Polypropylene 20 - 25%, Dung dịch nuôi cấy 10 - 15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10 %, Process Aid < 5%, Nhãn < 2%, Nylon Nonwoven < 2%. - Dùng với lò tiệt khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không - chu trình 132°C và 135°C - Thời gian đọc kết quả: 24 phút khi ủ với máy 3MTM AutoReader 490 hoặc 490M - Tương thích với máy ủ 490/490M - Tiêu chuẩn: ISO và FDA/CE, sản xuất tại các nước thuộc G7	Ống	600

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
126	ALT/SGPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GOT trong máu người. Bao gồm thành phần: TRIS buffer (pH 7,3) 150 mmol/L; L-Alanine 750 mmol/L; Lactac dehydrogenase > 1350 U/L; NADH 1,3 mmol/L; 2-oxoglutarate 75 mmol/L; Biocides. Bước sóng: 340nm Dải đo: 7,95 - 500 U/L Đóng gói: 4 x 50ml + 2 x 25ml/Hộp	hộp	20
127	Anti A	Thuốc thử nhóm máu- Anti A, Lọ 10ml	Lọ	40
128	Anti B	Thuốc thử nhóm máu- Anti B, Lọ 10ml	Lọ	40
129	Anti D (IgM+ IgG)	Thuốc thử nhóm máu- Anti D (IgM+ IgG), Lọ 10ml	Lọ	6
130	AST/SGOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trong máu người. Bao gồm thành phần: TRIS buffer (pH 7,8) 121 mmol/L; L-Aspartate 362 mmol/L; Malate dehydrogenase > 460 U/L; Lactac dehydrogenase > 600 U/L; NADH 1.3 mmol/L; 2-oxoglutarate 75mmol/L; Biocides. Bước sóng: 340nm Dải đo: 4,69 - 500 U/L Đóng gói: 4 x 50ml + 2 x 25ml/Hộp	hộp	20
131	Bộ định danh vi khuẩn	Bộ định danh gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	Bộ	2
132	Card thử nhóm máu tại giường (Serafol ABO + D), không có RH	Thành phần: Ô anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM dòng Birma-1 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti B IgM dòng LB-2 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô control chỉ chứa dung dịch đệm photphat. - Thiết kế 2 test nằm cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin, không chạm vào hóa chất trên thẻ. - Bảo quản 5 - 37 độ C, chịu được nhiệt độ lên tới 65 độ C trong không quá 6 tuần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA	test	600
133	Chromagar	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu	đĩa	10
134	Cổng phản ứng dạng khay dùng cho hệ thống máy đông máu tự động	Cổng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn khay tròn chứa 20 cổng phản ứng.	Hộp	1
135	Đĩa kháng sinh các loại	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. Lọ/50 đĩa	lọ	90
136	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (Blood Agar - BA90)	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , g) của Streptococcus	Đĩa	900

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
137	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (Sabouraud- SAB 90)	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm	Đĩa	900
138	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn MC	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose	Đĩa	500
139	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn MHA	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc	Đĩa	360
140	Dung dịch bách phân 5 thành phần bạch cầu sử dụng cho máy huyết học 22 thông số	- Thành phần: dung dịch chứa các hoạt chất Trihydroxymethyl Aminomethane <1g/L, Hydrochloic Acid < 0.2g/L, Triton < 0.1g/L. - Các thành phần có tính nguy hại dưới mức cho phép theo tiêu chuẩn CAS và EINESCS: Trihydroxymethyl Aminomethane < 0.1%; Hydrochloic Acid <0.02%; 2-phenoxyethanol <1% - Đóng gói: thùng 10 lít - Phù hợp với máy AMP Accos 5110	thùng	90
141	Dung dịch hóa chất dùng để súc rửa hệ thống phân tích đông máu tự động, bình 1 lít	Dạng lỏng, thành phần bao gồm Sodium azide $\leq$ 0.1%. Bình 1 lít	Bình	5
142	Dung dịch ly giải sử dụng cho máy huyết học 27 thông số tự động	- Thành phần: chứa các hoạt chất Anhydrous Sodium Sulfate 8-15g/L, Preservative Solution <20g/L, Muriate 20-50g/L. - Các thành phần có tính nguy hại dưới mức cho phép theo tiêu chuẩn CAS và EINESCS: Dodecyl trimethyl ammonium chloride <3%; Myristyltrimethylammonium bromide <0.2%; Hydroxylamine hydrochloride <0.2% - Đóng gói: chai 1 lít - Phù hợp với máy AMP Accos 5110	hộp/chai	65
143	Dung dịch rửa sử dụng cho máy huyết học 27 thông số tự động	- Thành phần: dung dịch chứa các hoạt chất Preservative Solution < 20g/L, Chloride Surfate < 0g/L, Buffer solution < 1g/L, Anticoagulant 1-2 g/L, Surfactant < 0.3g/L. - Sản phẩm an toàn, không có phản ứng bất lợi liên quan đến người sử dụng, môi trường. - Đóng gói: thùng 20 lít - Phù hợp với máy AMP Accos 5110	Thùng	20
144	Hóa chất định lượng nồng độ Creatinine trong máu	Thành phần: Sodium hydroxide: 0.16mol/L; Piric acid: 4.0mmol/L; Surfactant:.. Bước sóng: 510 nm Dải đo: 0.02 - 40 mg/dL - Đóng gói: 3 x 50ml + 3 x 50ml/Hộp	hộp	20

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
145	Hóa chất định lượng nồng độ Glucose trong máu	Thành phần: Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/L; Glucose oxidase > 10 KU/L; Peroxidase > 2 KU/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Phenol 5 mmol/L. Bước sóng: 500nm (480 - 520nm) Dải đo: 0.63 - 500 mg/dL - Đóng gói: 3 x 100ml + 1 x 5ml/Hộp	hộp	27
146	Matrix Forward grouping and crossmatch card	Giếng 1 chứa Anti-A (Dòng 11H5) - Giếng 2 chứa Anti-B (Dòng 6F9) - Giếng 3 chứa Anti-D (IgM) (VI-) (Dòng P3x61 + TH-28) - Giếng 4 chứa Gel trung tính - Giếng 5 và giếng 6 chứa AHG (Anti Human IgG và Anti C3D dòng 12011D10) - Dùng định nhóm máu bệnh nhân và nhóm máu túi máu; làm phản ứng hòa hợp miễn dịch truyền máu ở môi trường muối sinh lý, nhiệt độ phòng xét nghiệm 20 độ C - 24 độ C và môi trường có sử dụng huyết thanh kháng globulin ở nhiệt độ 37 độ C; và xét nghiệm tự chứng. - Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC	Card	300
147	Máu chuẩn máy huyết học bất thường mức cao	Máu chuẩn máy huyết học bất thường mức cao. Lọ 3ml	lọ	20
148	Máu chuẩn máy huyết học mức bất thường thấp	- Dung dịch chứa các hoạt chất ổn định giả lập của hồng cầu bạch cầu mô con người và động vật có vú, và các tiểu cầu mô phỏng bị dính chỉ trong một huyết thanh như chất lỏng. Dùng để chuẩn máy nồng độ thấp Lọ 3ml	Lọ	20
149	Môi trường cấy máu BHI 2 pha	Chai nhựa nắp vận chặt, mặt nắp là lớp cao su. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng là 40 ml BHI có SPS kháng đông, phase đặc là mặt thạch phẳng 10 ml BHI. Cấy phân lập các vi khuẩn hiếu khí (kể cả vi khuẩn khó mọc) từ bệnh phẩm máu (cấy máu).	Chai	10
158	Môi trường Chromagar Candida	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc và định danh Candida	đĩa	10
151	Que thử nước tiểu sd cho máy nước tiểu AS300 (Urine test strip seff-stil 101)	Que thử nước tiểu Self-Stick cung cấp các xét nghiệm để đo bán định lượng Urobilinogen (URO), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Blood (BLD), Protein (PRO), Nitrite(NIT), Leukocytes(LEU), Glucose(GLU), Specific-gravity(SG), pH, Vitamin C (Ascorbic acid) VC. Sử dụng với máy phân tích nước tiểu chủng loại: AnyScan 300	hộp	100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
152	Test HBsAg	- Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Dạng khay thử - Độ nhạy: 100% (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: 100% (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%) - Bệnh phẩm sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; Không cần sử dụng dung dịch đệm (chase buffer) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm - Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể HCV, kháng thể HIV và phụ nữ mang thai - Ngưỡng phát hiện: 1 ng/ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO	Test	11.500
153	Hóa chất ngoại kiểm đông máu	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn Hộp/6 x 1 ml	Hộp	3
154	Hóa chất ngoại kiểm HIV và viêm gan	Chương trình ngoại kiểm HIV/Viêm gan. Đáp ứng hơn 15 thông số hoặc tương đương, bao gồm thông số Anti-CMV (Total). Có chu kỳ bắt đầu tháng 7 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/12x 1.8 ml	hộp	3
155	Hóa chất ngoại kiểm huyết học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng trên 10 thông số công thức máu hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/3 x 2 ml	Hộp	6
156	Hóa chất ngoại kiểm niệu	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương, bao gồm thông số Galactose. Thành phần yêu cầu 100% nước tiểu người. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/3 x 12 ml	hộp	3
157	Hóa chất ngoại kiểm Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x 5 ml	Hộp	3
158	Nội kiểm đông máu mức độ 1	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng trên 15 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Hộp 12 x 1 ml	hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
159	Nội kiểm đông máu mức độ 2	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương	hộp	1
160	Nội kiểm sinh hóa mức độ 2	Dạng đông khô, đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids. Hộp 20 x 5 ml	Hộp	1
161	Công phản ứng	- Công phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu và chứa mẫu trong chức năng kiểm tra tiền phân tích trong máy đông máu tự động đa bước sóng. Công sử dụng một lần, có thể nạp vào máy tại mọi thời điểm. Khả năng chứa trên máy tùy từng loại thiết bị - Dùng cho dòng máy đông máu tự động đa bước sóng cụ thể - Chất liệu polystyrene. - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex) Đóng gói: Thùng/3000 cái	Thùng	3
162	Dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu	Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium barbitol 2.84 x 0,01M và sodium chloride 1.25 x 0.1M, pH 7.35 ± 0.1 - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex) Hộp (10x15ml)	Hộp	1
163	Hóa chất định lượng Fibrinogen trong huyết thanh	- Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương - Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml Đóng gói hộp (10x1ml) - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex)	Hộp	1
164	Hóa chất dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm chuẩn mức 1	- Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở giới hạn bình thường, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, Fibrinogen, ATIII, Thời gian Batroxobin/ Reptilase - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của những người bình thường - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex) Hộp/1ml x10 lọ	Hộp	7
165	Hóa chất dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm chuẩn mức 2	- Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu trong khoảng giới hạn từ giữa đến cao của giới hạn điều trị trong liệu pháp kháng đông đường uống, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của người - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex) Hộp/1ml x10 lọ	Hộp	7

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
166	Hóa chất rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động, có tính acid	Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động -Đóng gói dạng lỏng -Dung dịch có tính acid, nồng độ HCl < 1%, chất hoạt động bề mặt không ion hóa 0.5% -Hộp (1x500ml) - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex)	Hộp	12
167	Hóa chất rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động, có tính kiềm	Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động -Đóng gói dạng lỏng -Dung dịch có tính kiềm, nồng độ NaClO ≥ 1% -Hộp (1x50ml) - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex)	Hộp	15
168	Hóa chất xác định Calcium Chloride	- Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu - Đóng gói dạng lỏng, dung dịch calcium chloride 0.025 mol/L. Hộp 10x15ml - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex)	Hộp	3
169	Thuốc thử xét nghiệm APTT	- Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) và có thể sử dụng kết hợp với các huyết tương thiếu hụt yếu tố để định lượng các yếu tố đông máu - Đóng gói dạng lỏng, thành phần chứa phosphatit đậu nành tinh khiết và cephaline não thỏ trong 1 x 0,0001 acid ellagic, chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản Độ tái lập tổng thể < 8% - Phù hợp với máy đông máu tự động CS-1600 Hộp (10x2ml) - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex)	hộp	27
170	Thuốc thử xét nghiệm PT	- Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) -Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa yếu tố mô người tái tổ hợp (hoàn nguyên ~ 100-200 ug/L) với phospholipid tổng hợp, calcium, chất trung hòa heparin, chất đệm và chất ổn định BSA Độ tái lập tổng quát: PT% < 10%, PT giây < 5%, PT INR < 5% - Phù hợp với máy đông máu tự động CS-1600 Hộp (10x4ml) - Tương thích cho máy phân tích đông máu tự động CS-1600 (sysmex)	hộp	36
NHÓM 10: CÁC VẬT TƯ TIÊU HAO KHOA XÉT NGHIỆM				
171	Đầu cone vàng	Chất liệu: nhựa PP, màu vàng. Đặc điểm: Không khóa. Độ cone ôm kín đầu cây micropipet, gói/1000 cái	Gói	64
172	Kim chích máu (Lancets)	Kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng	Hộp	360
173	Ống lấy máu	Ống cho các thiết bị y tế giao thức A-PRF Lớp IIa. Hút chân không và không có chất phụ gia. Thể tích 10 ml. Đóng gói tiệt trùng	Cái	1.500

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
174	Que cấy nhựa vô trùng	Que cấy nhựa có phần đầu nhỏ dần và kèm đầu khuyên cấy hình tròn với kích thước 10µl, chiều dài que 17,5cm. Đóng gói tiệt trùng	Cái	150
175	Kim lấy máu tự rút	Kim 21G x 3/4", gồm kim lấy máu + vỏ bơm. Kim có vỏ bọc bảo vệ, tương thích với ống lấy máu	Cái	700
176	Lam kính	Lam kính nhám. Kích thước: 25,4 x 76,2mm độ dày: 1 – 1,2mm. Hộp 72 cái	Hộp	15
177	Lamelle 22*22	Lamen kính kích thước 22x22mm dạng vuông. Thích hợp dùng trong chứa mẫu soi dưới kính hiển vi	Hộp	15
NHÓM 11: VẬT LIỆU KHÁC				
178	Áo mổ tiệt trùng size L	Vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bo tay thun không nổi, bao bì chỉ thị tiệt trùng, size L dài 135cm*160cm, tiệt trùng bằng khí EO, gói/1 cái	cái	1.300
179	Bàn chải phẫu thuật	Chất liệu: cán PP, sợi nylon, hấp tiệt trùng 130 độ	cái	100
180	Bao giấy y tế tiệt trùng	Chất liệu: Vải PP không dệt Đặc điểm: Dây thun cổ giấy chắc chắn, co giãn tốt. Đóng gói tiệt trùng	đôi	200
181	Bao tóc tiệt trùng	Vải PP không dệt dày, xếp dạng tròn (không xếp dạng con sâu) không độc tố, không gây kích ứng da. Thun tròn đơn 1 sợi, ôm khít vòng đầu, thoải mái khi mang. Đóng gói tiệt trùng	Cái	124.000
182	Bóng bóp giúp thở người lớn	Kích cỡ: người lớn từ 40kg trở lên Bóng bóp bằng PVC, các van bằng Silicon, có thể tháo rời từng bộ phận mặt nạ để vệ sinh, thể tích 1,650ml, dài 212mm x đường kính 131mm, nặng 600g, vùng chết 7ml, thể tích khí lưu thông 2000ml	Cái	13
183	Bóng gây mê 0.5 lít, 1.0 lít, 2lít, 3lít	Chất liệu: neoprene không latex Dung tích 0,5/ 1/ 2/ 3 lít, có nối chuẩn quốc tế phù hợp các máy trong bệnh viện	Cái	45
184	Dầu xịt bôi trơn chống ma sát máy khoan	Dầu xịt để bôi trơn chống ma sát máy khoan, dung tích 300ml. Đồng bộ với máy và tay khoan đang sử dụng Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	Chai	30
185	Dây garo	Chất liệu: Thun cotton màu xanh Đặc điểm: Dây có độ co giãn tốt, băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc, dễ thao tác. Có thể sử dụng lại nhiều lần.	sợi	70
186	Dây máy gây mê Jackson- Rees	Người lớn (ID 22mm)/ Trẻ em (ID 15mm) + Chất liệu : Khuyết ống PE, ống dây gọn PE + EVA (không latex) , túi thở latex + Dây thở dài 0,6 mét, dây oxy 2 mét, túi latex 2,0 lít/1.0lits và van điều chỉnh. + Co nối 22M/16F Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA	Bộ	30
187	Dây nối bơm tiêm điện	Vật liệu PE Đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2 mm, thể tích mỗi 1,18 ml Chiều dài dây 150 cm, Vật liệu PE, không có PVC Dùng cho bơm tiêm điện áp suất nhỏ hơn 4 bar Đầu nối Luer Lock	cái	300

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
188	Gel bôi trơn	Không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn, không độc hại và không có mùi. Được sử dụng trong nội soi, nội soi dạ dày, nội soi ruột kết và nội soi trực tràng. Tube 82g	tube	150
189	Dung dịch bôi trơn, chống rỉ sét, khô nhanh	Thành phần: Non-ionic surfactants, organic acid amine adduct Bảo dưỡng: Nồng độ 0,5% trong 30 giây Phù hợp: Rửa tay / Rửa máy Jet, Can 4 lít	Can	6
190	Dung dịch làm sạch rỉ sét dụng cụ chai 1 lít	Thành phần: Carboxylate, surfactant Bảo dưỡng: Ngâm dụng cụ, nồng độ 10-50% trong 30 phút Chai 1 lít.	Chai	4
191	Dung dịch súc miệng chứa Chlorhexidine 0.12%, chai 250ml	Dung dịch súc miệng chứa Chlorhexidine 0.12%, chai 250ml	Chai	500
192	Khăn phẫu thuật 140x200 (cm)	Chất liệu: nhựa PE. Tuyệt đối ngăn không cho dịch, nước thấm xuyên qua. Kích thước: 140x200 (cm) Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói tiệt trùng từng cái	cái	300
193	Khẩu trang 5 lớp	Khẩu trang kiểu dáng N95 - 5 lớp: * Lớp 1: Vải không dệt, màu trắng. Rộng 26cm, dài 13,6cm * Lớp 2: Vải heatseal Cotton, màu trắng, rộng 26cm, dài 13,6cm * Lớp 3: Melt blown, màu trắng, rộng 26cm, dài 13,6cm * Lớp 4: Vải không dệt, màu trắng, rộng 26cm, dài 13,6cm * Lớp 5: Vải không dệt, màu trắng, rộng 26cm, dài 13,6cm - Quai đeo: Thun, màu trắng, rộng 0,5cm, dài 19cm - Nhựa định hình: rộng 0,5cm, dài 8cm	cái	22.000
194	Khẩu trang lọc bụi mịn, màu xám, N95	Khẩu trang lọc bụi đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn Úc/ New Zealand phân cấp lọc bụi P2, Thanh kim loại điều chỉnh độ kín khít có sự chắc chắn và bền bỉ, Lớp than hoạt tính giúp giảm mùi khó chịu của hơi hữu cơ Sản phẩm này không chứa thành phần làm từ mùn cao su tự nhiên	cái	500
195	Kính bảo hộ (1 gọng + 3 kính)	Kính che mặt	Cái	60
196	Lọc khuẩn	Chất liệu: nhựa PC trắng trong suốt. Vỏ ngoài bằng nhựa PC trong suốt, cỡ 22M/15F - 22F/15M, nặng 29gr, mức TV 300 - 1500ml, tỉ lệ lọc vi rút/vi khuẩn 99,999% (test kiểm nghiệm bởi phòng kiểm nghiệm độc lập uy tín Nelson (Mỹ)), cơ chế lọc tĩnh điện sợi polypropylene, có cổng đo EtCO2; sức cản khi hít vào/thở ra tại 30l/ph là 1,5hPa và 1,4hPa TCCL: ISO, CE, test report của phòng kiểm nghiệm Nelson hay Tim; sản xuất tại các nước Châu Âu	Cái	10.000
197	Màng phim bảo vệ	Màng phim bảo vệ màu xanh, cuộn 1200 miếng. Hộp/ 1 cuộn Kích thước: 10cm x 15cm Dễ sử dụng, có khóa để có thể xé từng miếng nhỏ	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
198	Nón nam tiết trùng	Vải không dệt, bán kính 26,5cm ± 1cm, chiều cao 9cm ± 0,5cm; độ dài thun co giãn ở phía sau là 6cm ± 0,5cm. Đóng gói tiết trùng	cái	9.500
199	Periofix gel 30ml	Chlorhexidine Digluconate 0.2%, Sodium Hyaluronate, Bisabolol, Potentilla Erecta Root extract, Chamomilla Recutita flower extract, Cinnamal, Xylitol	Tuýp	26
200	Tấm che mặt ngăn giọt bắn	Chất liệu: PET chống mờ 2 mặt, tấm chắn mặt trong suốt, không cản trở tầm nhìn Dây đeo đầu đàn hồi, có đệm xốp mềm thoải mái chắn vùng trước trán Chiều dài che chắn được toàn bộ khuôn mặt (ôm 2 bên và vùng cằm), kích thước: 32 x 22 cm Sử dụng 1 lần	cái	1.000
201	Tạp dề phẫu thuật	Màng nhựa PE, màu xanh, không thấm dịch, nước. Kích thước: 80x120(cm). Tiết trùng từng cái	Cái	400
202	Tạp dề phẫu thuật có tay	Chất liệu Polyetylen, chống nước cao, ngăn ngừa thấm thấu dịch như máu và dịch cơ thể, cổ tay áo có móc ngón tay cái giúp ngăn ngừa tối đa tiếp xúc khi thao tác với cổ tay và cánh tay - Chiều dài: 129.5±2cm - Chiều dài tay áo: 74.6±1cm - Chiều dài dây buộc: 63±1cm - Kích thước cổ: 28±3cm*6±0.5cm - Kích thước ngực: 64.2±3cm - Kích thước cổ tay áo: 28.1±0.5cm - Khối lượng: 45g±3g	cái	4.500
203	Tay dao cắt đốt 2 nút bấm dùng một lần	Thân có 2 nút bấm "Cut-Coag" có phân biệt màu sắc để kích hoạt cắt – đốt; Dùng 1 lần, đóng gói vô trùng Tương thích với nhiều hãng khác nhau Tiêu chuẩn: ISO, CE	cái	400
204	Vôi soda	Vôi soda hấp thụ CO2 dùng trong gây mê - Cấu tạo gồm hỗn hợp CaOH + NaOH - Ca(OH)2: 82.08%, NaOH <4%, H2O 14-19% - Không chứa KOH - Khả năng ngậm (hấp thụ CO2) > 1kg vôi soda hấp thụ 130l CO2 (>26%) - Chỉ thị màu: hạt từ trắng chuyển sang tím khi đạt cân bằng - Dạng rắn, kích thước hạt 4x2mm, độ cứng 97%, độ ẩm 12-18% - Thích hợp cho tất cả các hệ thống thiết bị gây mê	kg	280

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ
GÓI 2: VẬT LIỆU NHA

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
NHÓM 6: VẬT LIỆU THAY THẾ, VẬT LIỆU CẤY GHÉP NHÂN TẠO				
1	Màng collagen nha khoa tự tiêu liên kết chéo gốc đường 15x25 (mm)	Màng collagen tự tiêu liên kết chéo gốc đường, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. Có nguồn gốc từ heo. Duy trì chức năng trong 4 - 6 tháng. Kháng lại sự biến chất khi lộ màng từ 3 - 5 tuần. Kích thước 15*25mm	hộp	25
2	Màng Polytetrafluorotylen (PTFE) không tiêu có khung Titanium	Màng không tiêu PTFE gia cố khung titanium, kích thước 17x25mm, dùng cho vùng răng sau. 1 mặt đậm và 1 mặt nhạt, mặt đậm tiếp xúc với xương. Thiết kế 8 cạnh titanium đối xứng	Cái	15
3	Màng Polytetrafluoroetylen (PTFE) không tiêu có khung Titanium	Màng không tiêu PTFE gia cố khung titanium, kích thước 30x40mm, dùng cho vùng răng trước và sau. 1 mặt đậm và 1 mặt nhạt, mặt đậm tiếp xúc với xương. Thiết kế 2 cặp titanium song song	cái	12
4	Màng bao phủ tái tạo xương nhân tạo 25x25 mm	Thành phần: collagen có nguồn gốc từ heo. Màng được làm thành 2 lớp một mặt thô nhám và một mặt mịn, Có khả năng thấm ướt (ưa nước) độ bền cao, dễ dàng thích ứng với mọi vị trí ghép và khả năng chống rách. Có thể cố định màng bằng cách khâu, bằng bắt vít (pins) hoặc không. Thời gian tiêu đến 6 tháng. Kích thước màng: 25x25 mm Tiêu chuẩn sản xuất: ISO và CE/FDA	hộp	32
5	Màng bao phủ tái tạo xương nhân tạo 30x40 (mm)	Thành phần: collagen có nguồn gốc từ heo. Màng được làm thành 2 lớp một mặt thô nhám và một mặt mịn, Có khả năng thấm ướt (ưa nước) độ bền cao, dễ dàng thích ứng với mọi vị trí ghép và khả năng chống rách. Có thể cố định màng bằng cách khâu, bằng bắt vít (pins) hoặc không. Thời gian tiêu đến 6 tháng. Kích thước màng: 30x40 mm Tiêu chuẩn: ISO và CE/FDA	hộp	68
6	Màng xương không tiêu 25*30mm	Chất liệu: PTFE (PolyTetraFluoroEthylene) y tế, kích thước lỗ màng 0,3µm. Kích thước 25x30mm Tiêu chuẩn: ISO và CE/FDA	cái	58

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
7	Xương dị chủng 2g	Vật liệu xương có nguồn gốc từ xương bò. Vật liệu có cấu trúc và khoáng chất tự nhiên gần giống với xương người. Vật liệu có chức năng sinh học giúp dễ dàng hình thành mạch máu và xương mới, xương mới hình thành tích hợp hoàn toàn với vật liệu ghép tạo nên khối vững chắc. Vật liệu lâu tiêu giúp cho việc tái tạo xương có độ ổn định lâu dài. Kích thước hạt: 0,25- 1mm hoặc 1mm-2mm. Khối lượng hộp 2g Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO và FDA/CE	Hộp	38
8	Khối xương collagen dạng miếng bọt biển, 5x5x10 mm (0,25 cc)	Khối xương collagen giống miếng bọt biển dùng trong ghép xương. - Khung collagen liên kết chéo gốc đường và hạt hydroapatite. - Kích thước: 5x5x10 mm (0,25 cc) - Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA	Hộp	4
9	Khối xương collagen dạng miếng bọt biển, 5x10x10 mm (0,5 cc)	Khối xương collagen giống miếng bọt biển dùng trong ghép xương. - Khung collagen liên kết chéo gốc đường và hạt hydroapatite. - Kích thước: 5x10x10 mm (0,5 cc) - Tiêu chuẩn ISO và CE/FDA	Hộp	15
NHÓM 12: VẬT LIỆU NHA				
10	Banh miệng nhựa	Banh miệng/ má nhựa dính liền hình chữ C. Được làm bằng nhựa dẻo đục, có thể tiệt trùng tái sử dụng. Các size S, M, L	cái	36
11	Bao hấp dụng cụ 3.5 x 10 inch	Kích thước 3,5 x 10 inch. Hộp/200 tấm	Hộp	380
12	Bột băng nha chu	Vật liệu 2 thành phần hỗ trợ che phủ vết thương, vết khâu... Không chứa eugenol, dễ tạo dạng. Hộp 1 cặp nền (90g – 91ml) + xúc tác (90g – 33ml)	hộp	4
13	Calcium hydroxide	Dạng bột, lọ 50g	Lọ	30
14	Cao su đánh bóng sứ	Cao su đánh bóng sứ, kích thước đường kính 2cm, dày 2,5mm (±10%)	miếng	300
15	Cao su lấy dấu nặng (hộp 2 lọ, ≥262ml/ lọ)	Lấy dấu chính xác, dễ sử dụng. Ít biến dạng, định hình tốt, hộp 2 lọ, ≥ 262ml/ lọ	Hộp	470
16	Cao su lấy dấu nặng, loại nhanh đông 2 x 250ml	Loại nhanh đông, hộp/2 lọ x 250ml	Hộp	3
17	Cao su lấy dấu nhẹ (Cartridge 50ml)	Loại dùng súng, ống Cartridge 50ml	cartridge	440
18	Cao su lấy dấu nhẹ, hộp/2 ống, ≥ 74ml/ ống	Lấy dấu chính xác, dễ sử dụng. Ít biến dạng, định hình tốt, hộp/2 ống, ≥ 74ml/ ống	Hộp	214

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
19	Cao su lấy dấu trung bình	Thành phần bao gồm: 1 tuýp chất nền 90ml, 1 tuýp chất xúc tác 90ml, dạng lỏng, độ bền và chính xác cao.	Hộp	29
20	Cây lèn ngang tay	Lèn ngang, được làm bằng thép không gỉ, có nhiều kích thước	cây	85
21	Chất bôi trơn ống tủy	Thành phần: EDTA 15%, urea peroxide 10%, PPG, PEG, ống 6g	ống	126
22	Chất bơm rửa ống tủy	Dung dịch EDTA 17%, bôi trơn ống tủy và lấy đi lớp mủn ngà, chai 120ml	Chai	13
23	Chất gây tê 20%, dạng bôi	Thành phần: 20% benzocaine Dùng để gây tê bề mặt, mùi dễ chịu Lọ 30g ($\pm 3\%$)	lọ	100
24	Chất lấy dấu đổi màu	Alginate đổi màu thông dụng Thời gian làm việc và trùng hợp nhanh. Gói/453g	Gói/bịch	1.470
25	Chêm gỗ	Đu size: 11mm, 12mm, 13mm, 15mm Dễ dàng cầm nắm chắc chắn, an toàn và dễ lắp đặt. Đầu chêm gỗ được làm nhẵn, giúp đưa vào vùng kẽ răng dễ dàng và an toàn với nướu và niêm mạc. Hộp nhiều size	Cái	400
26	Chỉ co nướu số 0	Chỉ co nướu loại trung bình 2,44m Có cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ. Tiêu chuẩn ISO và FDA/CE	lọ	10
27	Chỉ co nướu số 00	Chỉ co nướu loại mảnh 2,44m Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ. Tiêu chuẩn ISO và FDA/CE	lọ	40
28	Chỉ co nướu số 000	Chỉ co nướu loại rất mảnh 2,44m Có cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ. Tiêu chuẩn ISO và FDA/CE	lọ	10
29	Chổi đánh bóng nha chu	Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần Độ cứng phù hợp Làm sạch tốt bề mặt răng mà không làm hư mô răng hay phục hồi	cái/cây	17.568
30	Chốt pivot nhọn	- Làm từ thép không gỉ - Dùng để tái tạo cùi răng và tăng độ vững chắc cho chân răng sau khi trám - Nhiều kích cỡ	Gói	9

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
31	Cọ bôi bonding, đầu cọ bông gòn	Nhiều kích cỡ. Độ bóng bề mặt cao, giúp vệ sinh làm sạch dễ dàng. Đầu cọ mịn, đều đặn, chắc chắn, không bị tưa mòn trong quá trình sử dụng. Chiều dài cả cây cọ 10cm, trong đó phần bông gòn đầu cọ dài 4mm, đường kính phần bông 1,5mm; khoảng cách từ đầu cọ đến phần khác là 15mm Hộp 100 cái	Hộp	410
32	Composite che cùi	Vật liệu chuyên che cùi bị đen hoặc xoang răng bị nhiễm màu, hoặc che sườn kim loại bị lộ trong sửa chữa sứ, gắn phục hình sứ,... Ống 1,8g	hộp/ ống	4
33	Composite đặc các loại	Là vật liệu composite quang trùng hợp, tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy. Ống 3g. Sản xuất tại các nước G7, châu Âu	hộp/ ống	900
34	Composite lỏng	Composite lỏng Nano-Hybrid trám thẩm mỹ, ống 2g Thành phần chính: 36% dimethacrylate, 63% chất độn Sản xuất tại các nước Châu Âu	Ống	1.200
35	Composite lỏng	Composite lỏng Nano-Hybrid trám thẩm mỹ. Thành phần chính: 36% dimethacrylate, 63% chất độn, nhộng 0,25g Sản xuất tại các nước Châu Âu	nhộng	300
36	Composite QTH	Composite đặc Nano-Hybrid trám thẩm mỹ vùng răng trước và răng sau. Ít co, lực co thấp. Độ kháng mài mòn cao. Dễ điều khắc và đánh bóng. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên. Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc Ống 3,5g; sản xuất tại các nước Châu Âu	ống/3.5g	60
37	Cone chính đủ số	Cone có vạch chia, ước lượng được chiều dài 16mm, 18mm, 19mm, 20mm, 22mm, 24mm. Được mã hóa màu để xác định kích thước Độ trơn tiêu chuẩn 2% Hộp/ 120 cây	Hộp	186
38	Cone giấy (Paper Points)	Cone giấy có kích thước, hình dáng, độ trơn tương ứng với các loại cone chính Được mã hóa màu để xác định kích thước. Hộp/ 200 cây	Hộp	375
39	Cone gutta percha protaper (G.P Protaper) F1, F2, F3	- Cone chính sử dụng trám bít ống tùy, chính xác hiệu quả. - Cone chính gutta percha dùng trám bít ống tùy trong điều trị nội nha - Cone theo kích thước của bộ sản phẩm Protaper Dentsply, sử dụng nhanh chóng, chính xác. - Có các size: F1, F2, F3, F1-F3. F4-F5 - Quy cách Hộp 60 cái - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Hộp	600

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
40	Cone phụ A, B, C, D	Cone phụ được cuốn bằng tay, đồng nhất, thuận giống nhau, thích ứng với các hình dạng của ống tùy. Cone có vạch chia với các chiều dài 18mm, 19mm, 20mm, 22mm, 24mm. Các size: A,B, C, D. Hộp/100 cây	Hộp	740
41	Cung cố định hàm	Kim loại tốt, các cạnh không bén, dễ uốn, cố định được hàm. Bộ gồm 2 thanh kim loại dài 14cm ($\pm 5\%$), 2 cuộn chỉ thép dài 55cm, 6 sợi thun đường kính 4,5mm, 1 ống nhựa mềm 4mmx3cm ($\pm 10\%$)	bộ	1.564
42	Đá xanh mài sứ có cán, hình đĩa	Đá xanh mài sứ có cán, hình đĩa	cây	104
43	Đai kim loại	Chất liệu: thép không rỉ, dày 0,0015", linh hoạt, đủ độ mềm dẻo để uốn cong như mong muốn, ôm khít vào bề mặt răng.	Cái	1.000
44	Đầu ống bơm cao su	Vòi bơm cao su lòng, nhỏ, màu vàng	cái	750
45	Dầu xịt tay khoan, chai 400ml	Bảo dưỡng tay khoan nha khoa, chai 400ml	Chai	200
46	Dây cellulose	- Đai trám nhựa sử dụng một lần - Bề mặt láng mịn dễ uốn cong, độ dày phù hợp giúp tạo tiếp xúc mặt bên chặt chẽ	Cái	2.500
47	Dây nhám kê kim loại	Kích thước: bề ngang 3,75mm, độ nhám nhỏ (màu đỏ), độ mỏng phù hợp có tác dụng đánh bóng tiếp xúc bên sau khi trám Có thể hấp tái sử dụng.	sợi	285
48	Đê cao su	Đê cao su bảo vệ răng khi trám răng, kích thước: 152x152mm Đê có màu dễ quan sát. Hộp 36 miếng	Hộp	150
49	Đệm cổ kéo thấp màu xanh	Chất liệu: vải. Kích thước 19x5cm ($\pm 5\%$) Mềm, êm, thoải mái khi sử dụng, có thể giặt được	gối	7
50	Đĩa cắt kim cương mỏng, có cán	Đĩa có đường kính 22mm, độ nhám mịn. Cán gắn liền với đĩa, dài 45mm ($\pm 3\%$)	cái	7
51	Giấy chỉnh khớp màu đỏ	Giấy cắn mỏng, dày 40 micron, kiểm tra khớp cắn chính xác, màu đỏ. Xấp 12 tờ	Xấp	3.400
52	Giấy lau sát khuẩn	Thành phần gồm Didecyldimethylammonium chloride 0,76%, Ethanol 7,5%, Isopropanol 15%, hộp/160 tờ. Thời gian khử khuẩn ≤ 1 phút, bao gồm vi khuẩn lao, HIV, HBV, HCV, diệt virus, diệt nấm.	Hộp	2.680
53	Giấy trộn	Giấy trộn các loại vật liệu 2 thành phần sử dụng trong nha khoa Giấy đánh dày, không thấm nước	xấp	200
54	Gòn cuộn nhỏ số 1	Gòn cuộn chắc chắn, duy trì kích thước và không bị rã khi đã thấm nhiều nước bọt, kích thước 8mm x 38mm ($\pm 5\%$), gói ≥ 750 cuộn	Gói/ bịch	200

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
55	Kẽm 0.7	Chất liệu thép không gỉ. Thích hợp cho việc bẻ dây thành lò xo hay dây thẳng. Kháng tốt với lực uốn cong. Dạng sợi 0,7mm - 028 inch, cuộn 25m	Cuộn	7
56	Kẽm buộc hàm loại tốt, 1m	Chất liệu: kẽm, đường kính 0,4mm, chiều dài 1m, từng cuộn	cuộn	4.400
57	Kem chống ê buốt và ngứa sâu răng, hộp 40g	Thành phần có Calci, Phosphate, Flour 0,2% w/w, hộp 40g	Hộp	20
58	Keo dán 1 bước	Tiện lợi dễ sử dụng, không cần thực hiện bước etching. Dán ổn định lên cả ngà khô và ẩm. Độ bền liên kết cao với các bề mặt phục hình và composite. - Thành phần: Vitrebond copolymer, HEMA, Nước - Tỷ lệ ê buốt sau trám $\leq 0,4\%$ Lọ 5ml	Cái	10
59	Keo dán quang trùng hợp, lọ 6g	Keo dán quang trùng hợp dùng trong phục hình gián tiếp hay trực tiếp, có hạt độn nano tạo thành lớp đồng nhất và thâm nhập sâu vào các ống ngà. Dung môi là Ethanol, ổn định và không bị bay hơi. Lực dán cao, dán được cả trên bề mặt khô và ướt. Ít bị ê buốt sau khi trám. Lọ 6g	lọ	166
60	Khay lấy dấu nhựa các loại	Khay lấy dấu nhựa trong suốt có lỗ, hàm trên hoặc hàm dưới	Cặp	160
61	Kim gai các cỡ	Có nhiều kích cỡ phân biệt theo màu khác nhau, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	400
62	Kim tê nha 27G các cỡ	Mặt kim vát, giữ được độ sắc bén khi tiêm nhiều lần. Phù hợp với ống chích nha sử dụng tại bệnh viện Đóng gói tiệt trùng từng cái. Kích cỡ: 27G (0,4x21mm; 0,4x30mm) Sản xuất tại các nước G7	cây	110.000
63	Kim tê nha 30G, 10mm	Ít chấn thương mô, cấu trúc kim vát ba cạnh góc, ống canula sáng bóng và đệm silicon đạt chuẩn trong tiệt trùng, được làm từ thép không gỉ, giảm nguy cơ gãy. Kích cỡ: 30G, 10mm, 21mm. Sản xuất tại các nước G7	Cây	7.200
64	Lentulo 21mm, 25mm	Có độ đàn hồi, mềm dẻo linh hoạt. Kích thước 21mm, 25mm	Cây	880
65	Mão răng dành cho trẻ em	Chất liệu: kim loại, dùng cho răng thứ 6 của trẻ em. Các size, hộp 5 cái	Hộp	40

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
66	Mão răng sứ dành cho trẻ em	Mão răng sứ Zirconia dùng để tái tạo và bảo vệ răng thật cho trẻ em, có nhiều size - Chất liệu: Zirconia nguyên chất, màu trắng ngà tự nhiên, có thể điều chỉnh theo bảng màu Vita Classic để phù hợp với răng thật. - Gồm hai lớp: khung sườn bên trong và lớp phủ bên ngoài, cả hai đều làm từ Zirconia, giúp tăng khả năng chống nứt vỡ và mài mòn. - Độ cứng cao, giúp chịu lực nhai tốt và giảm nguy cơ gãy vỡ. - Khả năng chịu nhiệt tốt, không bị biến dạng dưới tác động của nhiệt độ trong khoang miệng. - Quy cách hộp 2 cái - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	100
67	Mặt gương	Mặt gương khám dùng trong nha khoa, hình tròn, không trầy xước, bóng rõ nét, dễ dàng quan sát góc khuất trong miệng. Tương thích với cán gương sử dụng tại Bệnh viện	cái	6.000
68	Mũi khoan Jicomax vàng	hình bánh xe, trụ màu vàng, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	cây	75
69	Mũi khoan kim cương siêu tốc loại I	hình dạng: búp các loại, trụ các loại; kim cương mịn, thô vừa, thô, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	cây	12.730
70	Mũi khoan kim cương siêu tốc loại II	hình dạng: trụ ngắn, tròn; kim cương mịn, thô vừa, thô, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	3.000
71	Mũi khoan mài nhựa	Chiều dài 50mm, phần mũi 11mm hình nón có khía đan nhau, đủ kích cỡ, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	190
72	Mũi khoan nội nha có cổ dài	Cho phép khoan sâu dọc theo chốt hoặc dụng cụ bị gãy, hỗ trợ sửa soạn ống tủy canxi hóa Sử dụng kết hợp với tay khuỷu (low speed), chiều dài mũi: 28mm, (chiều dài đầu mũi 8mm) Tiêu chuẩn: ISO và CE/ FDA	Cây	18
73	Mũi khoan ống răng chốt, phần xoắn dài 2cm	Chiều dài 32mm, mũi 20mm, phần đầu xoắn nhọn 9mm, dùng cho dùng cho tay khoan thẳng tốc độ chậm, đủ số, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	cây	155
74	Mũi khoan ống răng chốt, phần xoắn dài 2cm	Chiều dài 32mm, mũi 20mm, phần đầu xoắn nhọn 9mm, dùng cho dùng cho tay khoan thẳng tốc độ chậm, đủ số 1-5, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	37
75	Mũi khoan siêu tốc 557	Chiều dài 19mm, phần mũi hình trụ xoắn 4mm, đầu bằng, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	700

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
76	Mũi khoan tốc độ chậm, khuỷu, số 1/2-6	Mũi khoan phẫu thuật tròn Dùng với tay khoan tốc độ chậm Chất liệu Tungsten Carbide Chiều dài làm việc: 22,5mm Size: 006, 008, 010, 012, 014, 016, 018, 021, 023 (hoặc tương đương 1/4, 1/2, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8), sản xuất tại các nước G7, châu Âu	cây	425
77	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 700	Mũi khoan cán dài, trụ thuận lưỡi chéo đầu bằng số 700, chiều dài 44,5mm (phần trụ thuận răng cưa 4,5mm, có hình nón cụt), đoạn cán mũi khoan tiếp giáp với phần đầu răng cưa phải có khắc chặn, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	cây	200
78	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 702	Mũi khoan thép cán dài, dùng cho tay khoan thẳng tốc độ chậm, hình trụ thuận lưỡi chéo đầu bằng số 702, chiều dài 44,5mm (phần răng cưa 4,5mm có hình nón cụt), đoạn cán mũi khoan tiếp giáp với phần đầu răng cưa phải có khắc chặn, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	30.700
79	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 703	Mũi khoan cán dài, trụ thuận lưỡi chéo đầu bằng số 703, chiều dài 44,5mm (phần trụ thuận răng cưa 4,5mm có hình nón cụt), đoạn cán mũi khoan tiếp giáp với phần đầu răng cưa phải có khắc chặn, sản xuất tại các nước G7, châu Âu	Cây	200
80	Mũi khoan tungsten đầu tròn HP các loại	Mũi khoan cán dài đầu tròn HP 1-10, chiều dài 44,5mm	Cây	110
81	Mũi mở tủy tránh thủng sàn Endo Z	Mũi khoan mở tủy Endo-Z Dùng với tay khoan tốc độ cao Chất liệu Tungsten Carbide Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm Mũi khoan kim loại trụ, dài, thon đầu, hình trụ thuận có khía màu vàng dùng mở khoang buồng tủy Đầu tác dụng được thiết kế không có tác dụng cắt giúp ngăn ngừa thủng sàn/ống tủy Sử dụng hiệu quả để lấy sạch ngà trần buồng tủy và chỉnh sửa lại đường vào Mở rộng tủy buồng gần lỗ ống tủy có hình phễu, tạo lối vào ống tủy dễ dàng	cây	80
82	Nắp xịt dầu tay khoan high	phù hợp với chai dầu xịt tay khoan high speed	cái	3
83	Nắp xịt dầu tay khoan low	phù hợp với chai dầu xịt tay khoan low speed	cái	9
84	Nhựa tự cứng làm mao tạm	Được dùng để làm mao, cầu hoặc hàm giả tạm thời và khí cụ giữ khoảng, hộp/ 100g bột + 100g nước	hộp	1
85	Nước dùng cho dây hàn chỉnh nha	Dạng Paste, dùng trong hàn chỉnh nha. Hỗ trợ tốt cho chảy vảy hàn. Lọ 30g Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
86	Ống bơm cao su	Ống bơm cao su lòng sử dụng nhiều lần (2 ống bơm + 6 đầu bơm + 2 vòng ron + 1 dụng cụ làm sạch ống nhựa)	Hộp	8
87	Ống hút nước bọt, nhựa trong, mềm, dễ định vị	Nhựa trong, mềm, bẻ cong định vị được ở vị trí thao tác. Kích thước: 6,5mm x 140mm.	cái	166.800
88	Oxit kẽm	Bột Zinc oxide (oxit kẽm) tinh khiết, mịn đồng nhất được sử dụng kết hợp với eugenol để trám bít ống tủy, trám trám, gắn tạm phục hình...không chứa thạch tín	gram	7.920
89	Sáp chỉnh nha	Sử dụng để giảm đau và khó chịu khi đeo khí cụ niềng răng, tránh vết xước do mắc cài cọ xát vào má. Dạng sáp, độ dẻo vừa phải, độ bám dính cao, không vị Đóng gói thuận tiện cho bệnh nhân mang theo Dễ phân ra thành miếng nhỏ và không rớt ra từng mẩu vụn khi sử dụng	hộp	370
90	Sáp lá	Sáp lá hồng được dùng để ghi dấu khớp cắn, làm gổi sáp. Sáp lá hồng miếng dùng ghi dấu khớp cắn khi mài cùi lấy dấu phục hình, tạo gổi sáp, lên răng thử hàm... Kích thước 19cm x 9cm x 2mm. Hộp/ 500g	Hộp	120
91	Sáp vành khít	Vật liệu làm vành khít có thể dễ dàng làm mềm và độ dẻo thích hợp để ghi dấu giới hạn khay lấy dấu hàm giả. Hộp gồm nhiều thanh sáp, thuận tiện khi sử dụng. Hộp 125g	Hộp	16
92	Sò đánh bóng	Bột đánh bóng cao với không chứa gluten, mùi vị dễ chịu, an toàn, con/ 2 gram	Con	9.596
93	Tẩy trắng răng 20%	Chất làm trắng răng có chứa PF (Nitrat Kali và Fluor) Nitrat Kali có tác dụng giảm ê buốt, flour có tác dụng giảm sâu răng và làm cứng men răng Chứa 20% nước giúp giảm tình trạng mất nước và tái phát màu Không chảy thấm vào mô mềm, giúp giữ yên khay với đầy đủ lượng thuốc bên trong Hộp gồm 8 ống+ 1 hộp đựng hàm+ 1 bảng so màu+ 1 tuýp kem đánh răng	ống	760
94	Tẩy trắng răng tại chỗ 40%	Thành phần bao gồm 40% Hydrogen peroxide. Hộp gồm 1 tuýp 1.2ml + 1 tuýp 1,2ml chất che nướu+ 2 đầu tip.	ống	86
95	Thạch cao cứng	Thạch cao độ mẫu cứng, dùng đổ mẫu trong nha khoa, bịch 1,5 kg	kg	960
96	Thạch cao trắng	Thạch cao trắng nha khoa dùng để đổ mẫu, bịch 2 kg	kg	1.100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
97	Trâm nội nha độ thuôn lớn dùng máy	Trâm dero sửa soạn ống tủy Dùng sửa soạn ống tủy bằng máy Chất liệu niti (niken-titanium) Mặt cắt tam giác lỗi Chiều dài làm việc: 19mm, 21mm, 25mm, 31mm Độ thuôn lớn và thay đổi dọc theo chiều dài làm việc của trâm Vòng chặn bằng silicone Size: XS, S1, S2, F1, F2, F3, F4, F5 Sửa soạn theo phương pháp countdown	hộp	246
98	Trâm nội nha độ thuôn lớn dùng tay	Trâm dero sửa soạn ống tủy Dùng sửa soạn ống tủy bằng tay Chất liệu niti (niken-titanium) Mặt cắt tam giác lỗi Chiều dài cán 13mm Chiều dài làm việc: 19mm, 21mm, 25mm, 31mm Độ thuôn lớn và thay đổi dọc theo chiều dài làm việc của trâm Vòng chặn bằng silicone Size: XS, S1, S2, F1, F2, F3, F4, F5 Sửa soạn theo phương pháp countdown	Hộp	20
99	Trâm nội nha Hedstroem file 21mm, 25mm cỡ nhỏ (08-40)	Trâm nong dũa ống tủy K-Reamer không đục lỗ Dùng nong dũa ống tủy bằng tay Chất liệu thép không gỉ Mặt cắt hình tam giác Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm, 31mm Độ thuôn 2% không đổi Vòng chặn bằng silicone Size: 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 15-41, sản xuất tại các nước Châu Âu	cây	900
100	Trâm nội nha Reamer (08-40)	Trâm nong dũa ống tủy K-Reamer không đục lỗ Dùng nong dũa ống tủy bằng tay Chất liệu thép không gỉ Mặt cắt hình tam giác Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm, 31mm Độ thuôn 2% không đổi Vòng chặn bằng silicone Size: 08, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 15-40 Nong dũa theo phương pháp stepback, sản xuất tại các nước Châu Âu	Cây	8.316

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
101	Trâm sửa soạn ống tùy được xử lý nhiệt vàng	Trâm sửa soạn ống tùy Dùng sửa soạn ống tùy bằng máy Chất liệu niti (niken-titanium) được xử lý nhiệt Gold (màu vàng) Mặt cắt tam giác lỗi Chiều dài làm việc: 19mm, 21mm, 25mm, 31mm Độ trơn lớn và thay đổi dọc theo chiều dài làm việc của trâm Vòng chặn bằng silicone Chiều dài cán 11mm Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm, 31mm Tốc độ vòng quay: 300 rpm Lực torque: 150 - 520 g.cm Chuyển động quay liên tục Size: XS, S1, S2, F1, F2, F3, F4, F5 Đóng gói dạng vô trùng sẵn	Cây	2.916
102	Trâm thông ống tùy bị vôi hóa (tương đương với C+ File)	Trâm dũa C+ Readysteel Chất liệu thép không gỉ Đầu trâm hình tháp, mặt cắt hình vuông Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm Vòng chặn bằng silicone Size: 08, 10, 15, 20, 08-20 Đóng gói dạng vô trùng sẵn	Vi	10
103	Trục gắn đĩa đánh bóng	- Chất lượng thép cao cấp - Thiết kế dễ sử dụng hạn chế chạm vào phục hình - Có thể hấp tái sử dụng	cây	152
104	Vật liệu cầm máu nước	Thành phần bao gồm: 20% ferric sulfate, độ PH ~ 1.0 và chứa silica giúp ức chế sự hình thành môi trường acid. Cầm máu nhanh và không để lại vết nâu ố ở viền nước. Ống 1,2ml	Ống	29
105	Vật liệu che tùy có chiều đèn	Chất che tùy chiếu đèn. Thành phần chính: hydroxide canxi cản quang, có độ cứng cao và nhựa tương hợp sinh học, có 2 màu: màu ngà và màu trắng đục. Hộp gồm ống 1,2 ml và 2 đầu tuýp	Ống	7
106	Vật liệu hàn ống tùy	Đặc tính sinh học giúp lành thương quanh chóp hiệu quả, dễ thay thế kỹ thuật hàn lạnh, độ cản quang 5mm, sự kín khít cao, không bị co giúp giảm thiểu các hồ rãnh khi bít ống tùy, đặc tính kháng khuẩn cao. Hộp gồm chai 15gr/bột + 35 pipette dung dịch pha	Hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
107	Vật liệu MTA trong điều trị nội nha dạng bột	Chỉ định cho điều trị phục hồi những tổn thương chân răng gồm: + Điều trị tủy ở răng chưa đóng chóp + Các trường hợp thủng do điều trị sai + Tiêu chân răng (nội và ngoại tiêu) + Trám bít chóp răng + Che tủy Mỗi gói bột đi kèm với một đơn vị nước thuận tiện trong việc pha trộn. Chỉ cần đổ bột lên miếng đệm, thêm nước và trộn. Gói bột 0,5g	gói	30
108	Vật liệu MTA trong điều trị nội nha dạng viên	Tái tạo ngà để bảo tồn tủy sống, kết dính cơ học tự nhiên tốt mà không cần chuẩn bị bề mặt trám, loại trừ yếu tố kích ứng sau khi trám, độ cản quang cao để theo dõi điều trị trong thời gian ngắn.	nhộng	580
109	Vật liệu trám bít hố rãnh và phòng ngừa sâu răng	Chất trám bít hố rãnh, bảo vệ các mặt răng có hố rãnh, ống/1,2ml	Ống	157
110	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột	Keo trám bít ống tủy - AH 26 (xi măng/ chất trám bít ống tủy/ chất hàn ống tủy) Đóng gói dạng hộp chứa 1 chai và 1 tuýp, chai 8g (bột) và tuýp 10g (resin)	hộp	50
111	Xi măng che tủy	- Vật liệu che tủy gốc canxi hydroxide tăng cường nhựa, có khả năng bảo vệ tốt cho tổ chức tủy răng nhờ công thức đặc biệt bao gồm các hạt Tricalcium Silicate trong một monomer ưa nước, cho vật liệu có khả năng phóng thích canxi đáng kể và bền vững. - Canxi che tủy dạng paste trộn sẵn tiện lợi để sử dụng. - Chỉ định che tủy trực tiếp hoặc gián tiếp, trám lót.	Ống	22
112	Xi măng gắn cho ống tủy còn sống	Cement gắn resin modified glass ionomer hóa trùng hợp tối ưu hóa các ưu điểm của cement glass ionomer truyền thống và cement resin. Ít gây ê buốt sau gắn. Phóng thích fluoride.	hộp	2
113	Xi măng gắn chốt (35g+ 25g)	Gắn kết thúc cho mão răng – cầu răng kim loại, inlay – onlay – chốt kim loại và toàn sứ có độ bền uốn cao. Liên kết hóa học với cấu trúc răng và kim loại. Tăng cường độ cứng chắc và đường viền khít sát. Giảm vi kẽ và ít rửa trôi. Đóng gói: Hộp 35g+ 25g	Hộp	64
114	Xi măng gắn tạm (55g+ 20g)	Xi măng gắn tạm không eugenol, thời gian đông cứng nhanh, dễ làm sạch, loại bỏ từ mão và cùi răng đóng gói: Base 55g (20ml), Accelerato 20g (20ml)	hộp	70

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
115	Xi măng trám dự phòng (15g+ 10g), màu hồng	Vật liệu Glass Ionomer chuyên dùng để trám dự phòng, có khả năng phóng thích flouride mạnh để bảo vệ những bề mặt có nguy cơ sâu răng cao. Màu hồng Đóng gói: Hộp/15g + 10g (8ml)	Hộp	27
116	Xi măng trám hoàn tất(15g+ 8g)	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng. Độ giãn nở tương tự mô răng thật. Độ bền nén và độ bền uốn cao Đóng gói: Hộp 15g + 8g (6,4ml)	Hộp	370
117	Xi măng trám tạm hộp 30g	Xi măng gắn tạm không chứa eugenol, tương thích tốt với composite, phù hợp gắn tạm mào, cầu răng. Hộp 30g	hộp	225
NHÓM 13: VẬT LIỆU IMPLANT				
118	Bản sao thân răng cấy ghép khay đóng kết nối côn	Cây lấy dấu khay đóng các cỡ - Chất liệu: titanium - Kích thước: + Loại đường kính: 4,0mm, 4,8mm, 5,5mm, Chiều cao nướu: 2mm, Chiều cao: 6mm + Đường kính: 3,9mm, 4,5mm, chiều dài 11mm, 15mm. Tương thích chân răng (implant) kết nối côn 12 độ.	Cái	73
119	Chân răng cấy ghép C1 hoặc tương đương	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ - Chất liệu: Titanium grade 23 (Ti-6Al-4V ELI) - Kích thước: Đường kính 3,3mm; 3,75mm; 4,2mm; 5,0mm. chiều dài 08mm; 10mm; 11,5mm; 13mm; 16mm - Đóng gói: 01 Implant ,01 Temporary cylinder, 01 Final drill, 01 Cover Srew. - Ren kép, bước ren 1,5mm. - Kết nối côn 12 độ.	cái	1.339
120	Thân trụ răng kết nối hình bán cầu kết nối côn	Bộ phục hình OT-Equator - kết nối hình bán cầu. Bao gồm: 01 thân trụ kết nối côn hình bán cầu (chất liệu titanium), 5 nút đệm theo code màu (chất liệu POM/ Nylon/ Elastomer), 01 nắp chụp (chất liệu thép không gỉ), 1 đĩa bảo vệ làm bằng chất liệu đàn hồi. Chiều cao nướu: 1, 2, 3, 4, 5mm Phần bán cầu đường kính 2,5mm, cao 1,7mm - Size narrow: đường kính 4,0mm - Size Standard: đường kính 4,4mm - Size wide: đường kính 4,4mm Tương thích chân răng (implant) kết nối côn 12 độ.	Cái	30
NHÓM 14: VẬT LIỆU CHỈNH NHA				

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
121	Composite gắn mắc cài quang trùng hợp đủ bộ dạng ống	Composite quang trùng hợp, dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài sứ, cho phép điều chỉnh vị trí mắc cài, tăng thời gian làm việc, không bị trượt mắc cài, dễ dàng lấy chất gắn dư. Hộp gồm 2 xilanh x 4g + lọ 6ml Độ nhớt: vừa phải, không lỏng, dễ chen vào lối lưu dưới để mắc cài Độ cứng: có hạt độn đủ kháng độ xé làm sút gãy Xuất xứ: các nước G7	Bộ	65
122	Dây cung cong ngược Niti SE.016x ,022 trên, dưới	Dây cong ngược – Dây đánh lún Hợp kim Niken-Titanium. Kích thước 0,016 x 0,022 inch Đánh lún khối răng cửa Thay đổi đường cong spee Gói /10 sợi	gói	60
123	Dây cung niken-titan, siêu đàn hồi (Niti SE) .014 trên/ dưới Ovoid	Hợp kim Niken-Titanium. Kích thước 0.014 inch, cung Ovoid Dây cung Ni ti Siêu đàn hồi. Dễ đi vào mắc cài, phù hợp với trường hợp răng chen chúc nhiều. Lực nhẹ liên tục, biên độ nằm giữa dây cung Niti Kích hoạt nhiệt (HA) và dây Niti Cổ điển (Classical). Kiểm soát torque giai đoạn sớm. Kháng độ biến dạng, đủ dài cho dây cung có uốn bẻ dây Gói /10 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	gói	215
124	Dây cung niken-titan, siêu đàn hồi (Niti SE) .016 trên/ dưới Ovoid	Hợp kim Niken-Titanium. Kích thước 0.016 inch, cung Ovoid Dây cung Ni ti Siêu đàn hồi. Dễ đi vào mắc cài, phù hợp với trường hợp răng chen chúc nhiều. Lực nhẹ liên tục, biên độ nằm giữa dây cung Niti Kích hoạt nhiệt (HA) và dây Niti Cổ điển (Classical). Kiểm soát torque giai đoạn sớm. Kháng độ biến dạng, đủ dài cho dây cung có uốn dây. Gói /10 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	gói	100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
125	Dây cung niken-titan, siêu đàn hồi (Niti SE) .016 x .016 trên/ dưới Ovoid	Hợp kim Niken-Titanium. Kích thước 0.016 x. 0.016 inch, cung Ovoid Dây cung Ni ti Siêu đàn hồi. Dễ đi vào mắc cài, phù hợp với trường hợp răng chen chúc nhiều. Lực nhẹ liên tục, biên độ nằm giữa dây cung Niti Kích hoạt nhiệt (HA) và dây Niti Cổ điển (Classical). Kiểm soát torque giai đoạn sớm. Kháng độ biến dạng, đủ dài cho dây cung có uốn dây. Gói /10 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Gói	100
126	Dây cung niken-titan, siêu đàn hồi (Niti SE) .016 x .022 trên/ dưới Ovoid	Hợp kim Niken-Titanium. Kích thước 0,016 x 0,022 inch, cung Ovoid Dây cung Ni ti Siêu đàn hồi. Dễ đi vào mắc cài, phù hợp với trường hợp răng chen chúc nhiều. Lực nhẹ liên tục, biên độ nằm giữa dây cung Niti Kích hoạt nhiệt (HA) và dây Niti Cổ điển (Classical). Kiểm soát torque giai đoạn sớm. Kháng độ biến dạng, đủ dài cho dây cung có uốn dây. Gói /10 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Gói	185
127	Dây thẳng thép không gỉ (SS) .016 x .016 hàm trên, dưới Ovoid	Kích thước 0,016 x 0,016 inch, cung Ovoid Dây cung thép không gỉ Stainless Steel - SS. Cân bằng giữa đặc tính đàn hồi và khả năng uốn. Kháng độ biến dạng, đủ dài cho dây cung có uốn dây. Gói/ 10 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Gói	120
128	Dây thẳng thép không gỉ (SS) .016 x .022 hàm trên, dưới Ovoid	Kích thước 0,016 x 0,022 inch, cung Ovoid Dây cung thép không gỉ Stainless Steel - SS. Kháng độ biến dạng, đủ dài cho dây cung có uốn dây Cân bằng giữa đặc tính đàn hồi và khả năng uốn. Gói/ 10 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	gói	400
129	Dây kềm chỉnh nha dài 0010, 0012	Dây Ligature, thép không gỉ, sợi dài, tiết diện 0,010/0,012 inch. Cuộn/ 1.000 sợi Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	cuộn	15
130	Dây thẳng thép không gỉ (SS) .028	Thép không gỉ, hình dạng thẳng, cứng, chiều dài 14 inch = 35,6 cm, tiết diện tròn 0,028 inch. Ống/25 sợi Độ cứng cao Độ biến dạng thấp Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	ống	48
131	Dây thẳng thép không gỉ (SS) .036	Thép không gỉ, hình dạng thẳng, chiều dài 14 inch = 35,6 cm, tiết diện tròn 0,036 inch. Ống/25 sợi Độ cứng cao Độ biến dạng thấp Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	ống	52

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
132	Khí cụ chức năng chữa hô Face bow đủ size	Chất liệu thép không gỉ. Dùng trong chỉnh nha Mối hàn chắc Đường kính dây inner bow 1.2mm Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Cái	24
133	Khí cụ chức năng chữa móm Face mask	Thiết kế tựa cằm, tựa trán phù hợp. Hình dạng cung nổi trán - cằm có thể tạo dạng được, cá nhân hóa, có tấm lót bảo vệ mô mềm	cái	236
134	Khóa thép để gắn vào headgear	Đầu khóa kéo là thép không gỉ, thun đàn hồi tốt, dùng cho chỉnh nha. Hình dạng đệm đầu và đệm cổ thiết kế phù hợp với người Việt Nam, có thể tạo dạng được, cá nhân hóa. Gói 10 cái Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Gói	4
135	Lò xo mở Nitinol	Thiết kế lò xo với mức độ lực trung bình (200g)/tiết diện 0.75mm. Kháng độ biến dạng, tạo đủ lực kích hoạt với độ dài chuẩn Ống/ 3 sợi 17,8cm Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Ống	36
136	Mắc cài kim loại răng 11, 12, 21, 22, 31, 41	- Mắc cài kim loại MBT hàm trên Slot 0.018 inch dễ sử dụng. Kết cấu vững chắc. - Dễ dàng luồn dây cung. - Dễ dàng định vị. - Mắc cài nhẵn, bo tròn, thân thiện với bệnh nhân. - Độ rộng chiều gần xa của cánh mắc cài: Hàm trên: + Răng cửa: 3,5mm + Răng cửa bên: 2,6mm Hàm dưới: + Răng cửa: 1,5mm Để mắc cài thiết kế dạng lưới sợi giúp bám dính tốt với vật liệu Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Cái	1.700
137	Mắc cài kim loại răng 13, 23, 33, 43	Mắc cài kim loại MBT hàm dưới Slot 0.018 inch dễ sử dụng. Kết cấu vững chắc. Dễ dàng luồn dây cung. Dễ dàng định vị. Mắc cài nhẵn, bo tròn, thân thiện với bệnh nhân. Độ rộng chiều gần xa của cánh mắc cài: 3,2mm. Để mắc cài thiết kế dạng lưới sợi giúp bám dính tốt với vật liệu Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Cái	870

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
138	Mắc cài sứ	Bộ mắc cài sứ U/L 5x5, hệ MBT hoặc tương đương, khe 0.018inch, Hook răng nanh. Thiết kế nhỏ gọn, chắc chắn, bo tròn góc cạnh, hình dạng cánh cong vòm thoải mái cho bệnh nhân Các đường tham chiếu ngang, dọc bằng mực (hòa tan trong nước), giúp dễ dàng định vị Mắc cài sứ trong mờ hòa hợp với màu răng, chống ố và đổi màu trong quá trình điều trị Có sẵn lớp keo phù sẵn giúp kết dính nhanh chóng và hiệu quả. Để mắc cài thiết kế dạng lưới sợi giúp bám dính tốt với vật liệu Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Bộ	1
139	Ốc nông cố định	Ốc nông nhanh (3 chiều) xương khẩu cái hàm trên 9mm Có mũi tên hướng dẫn nông, dễ định vị vào mẫu hàm khi thiết kế Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Cái	400
140	Ống dán trực tiếp răng 7	Tube răng hàm siêu khít sát Để tube ôm sát giải phẫu mặt ngoài của răng hàm. Khe luồn dây được mở loe đầu vào giúp luồn dây dễ dàng, Hook nằm ngang và thấp về phía lợi, giảm cọ xát má. Thân ống, phía trên và dưới có khuyết để gấp dễ dàng Mặt ngoài thân ống được đánh dấu theo chiều gần - xa thuận lợi cho việc định vị mắc cài. Tube răng 7 hàm trên, torque -14, distal offset 10, ống dài 4.3mm, khe 0.018 inch. Tube răng 7 hàm dưới, torque -10, distal offset 0, ống dài 4.3mm, khe 0.018 inch Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Cái	1.190
141	Thun chuỗi các loại màu bạc	Cuộn Thun chuỗi. Không làm từ cao su tự nhiên. Độ dài 15ft (457 cm)/cuộn. - Độ giãn thun, thời gian lưu giữ, thun còn 30% lực tác động sau 7 ngày Lực kéo trung bình Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	cuộn	280
142	Thun kéo liên hàm các loại	- Chất liệu: cao su latex thiên nhiên, được phủ bằng bột bắp, không chất phụ gia tạo màu. - Kích thước: đường kính từ 1/8, 3/16, 1/4, 5/16, 3/8 inch. - Lực kéo: 2,0; 3,5; 4,0; 5,5; 6,0; 8oz. - Độ giãn thun, thời gian lưu giữ, thun còn 30% lực tác động sau 7 ngày - Quy cách: 100 cái/ gói. 30 gói/ hộp	Hộp	325

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
143	Thun tách kẽ R sau màu xám	Chất liệu tốt, độ đàn hồi tốt để đặt. Đường kính 4,4mm. Khả năng giãn thun khi đặt, khả năng kháng lực nhai, hình dạng ít gây đau khi nhai. Đóng gói $\geq$ 1.000 thun/ gói Xuất xứ: Châu Âu, Bắc Mỹ	Gói	38
144	Vải chụp đầu (Headgear kéo cao)	Vải chắc bền, lâu phai màu	cái	4
145	Xi măng gắn khâu 30g, 12ml	Vật liệu gắn khâu răng trong chính nha (niềng răng) để hóa trùng hợp - Thành phần: xi măng Radiopaque Glass Ionomer có chứa bột thủy tinh, Polycarboxylic acid, Tartaric acid, ... - Khả năng bám dính: 7,5MPa - Độ mỏng lớp xi măng theo ISO 9917: 17 μ m - Phóng thích fluoride - Hộp gồm bột (30gr) và nước (12ml) + Thời gian trộn: 30 giây + Thời gian làm việc từ lúc trộn: 3 phút 10 giây + Thời gian đông cứng từ lúc trộn: 7 phút Xuất xứ: các nước G7	Hộp	90

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ
GÓI 3: VẬT LIỆU PHẪU THUẬT

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Cán tuốc nơ vít mini	Thân tuốc nơ vít dùng bắt vít đường kính 2.0mm	cái	12
2	Thân tuốc nơ vít	Thân tuốc nơ vít dùng để nối với đầu bắt vít dài 110.0mm	Cái	5
3	Mesh xương sọ não 74*50mm, dày 0.6mm	Miếng vá khuyết sọ cứng. Chất liệu Titanium, dạng lưới, dày 0.6mm, kích cỡ 74x50mm. Sử dụng vít tự khoan, tự bắt có đường kính 1.6mm	Cái	3
4	Mesh xương sọ não 99*74mm, dày 0.2mm	Mesh xương kích thước 99x74mm, chất liệu Titanium, dạng lưới, dày 0.2mm, dùng cho vít micro có đường kính 1.2mm với vít tự khoan đường kính 1.4mm Tiêu chuẩn: ISO và CE	Cái	3
5	Mũi khoan maxi ngắn, dài	Mũi khoan Maxi dùng để khoan dẫn đường cho vít có đk 2.4mm, độ dài mũi khoan 64.0mm và 105.0mm, độ dài xoắn ren 12.0mm	cái	200
6	Mũi khoan mid ngắn, dài	Mũi khoan Mid dùng để khoan dẫn đường cho vít có đk 1.6mm, độ dài mũi khoan 71.4mm, độ dài xoắn ren 6.0mm	cái	250
7	Mũi khoan mini ngắn, dài	Mũi khoan Mini dùng để khoan dẫn đường cho vít có đk 2.0mm, độ dài mũi khoan 54.8mm và 60mm và 105mm, độ dài xoắn ren 5.0mm	cái	520
8	Mũi khoan Micro tự dùng	Mũi khoan dùng cho vít đk 1.2mm, dài 71.4mm, độ dài xoắn ren 5.0mm	cái	3
9	Nẹp maxi 4 lỗ tròn	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ tròn, chất liệu Titanium, dày 1.3mm, dùng với vít có đk 2.4mm	cái	9
10	Nẹp maxi 6 lỗ tròn, dày 1,3mm; rộng 4,5mm	Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ tròn, chất liệu Titanium, dày 1.3mm, dài dùng với vít có đk 2.4mm	Cái	18
11	Nẹp maxi giữ chỗ 15 lỗ (trái, phải)	Nẹp Maxi giữ chỗ 15 lỗ quay trái, quay phải chất liệu Titanium, dày 2.5mm dùng cho vít có đk 2.4mm	Cái	15
12	Nẹp tái tạo maxi thẳng 15 lỗ	Nẹp tái tạo thẳng 15 lỗ, chất liệu Titanium, dày 2.5mm, dùng cho vít có đk 2.4mm	Cái	21
13	Nẹp tái tạo maxi thẳng 25 lỗ	Nẹp tái tạo thẳng 25 lỗ, chất liệu Titanium, dày 2.5mm, dùng cho vít có đường kính 2.4mm	Cái	33
14	Nẹp tái tạo đa chức năng 25 lỗ	Nẹp hình chữ U 25 lỗ, chất liệu Titanium, dày 2.5mm, dùng vít đk 2.4mm	Cái	1
15	Nẹp mid thẳng 12 lỗ	Nẹp thẳng 12 lỗ, chất liệu Titanium, dày 0.6mm, dùng cho vít có đk 1.6mm	Cái	93
16	Nẹp mini chữ L 4 lỗ quay trái, phải	Nẹp chữ L 4 lỗ, bắc cầu dài, quay trái, quay phải, 110 độ, chất liệu Titanium, dày 1.0mm, dùng vít đk 2.0mm	Cái	160
17	Nẹp mini tạo hình cầm 4 lỗ các size	Nẹp xương cầm 4 lỗ, 4mm, 6mm, 8mm, chất liệu Titanium ASTM F67, dày 0.6mm, dùng với vít có đường kính 2.0mm	Cái	40

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
18	Nẹp mini thẳng 18 lỗ	Nẹp thẳng 18 lỗ, chất liệu Titanium, dày 1.0mm, dùng cho vít có đk 2.0mm	cái	211
19	Nẹp mini thẳng 20 lỗ	Nẹp thẳng 20 lỗ, chất liệu Titanium, dày 1.0mm, dùng cho vít có đk 2.0mm	cái	2.273
20	Vít dùng trong chỉnh nha, đường kính 1.6x6, 8, 10 mm	Vít mỏ neo dùng trong chỉnh nha, chất liệu Titanium, đầu lục giác, có lỗ, có rãnh xuyên dây, đường kính thân 1.6mm, dài 8-10mm, tự khoan, tự taro	Cái	2.360
21	Vít xương maxi đường kính 2.4 dài 8mm, 10mm, 12mm	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium, đường kính thân 2.4mm, dài 8-12mm	cái	1.300
22	Vít xương maxi đường kính 2.4 dài 14mm, 16mm, 20mm	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium, đường kính thân 2.4mm, dài 14-20mm	cái	2.360
23	Vít xương micro đường kính 1,2, dài 6-12mm	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium, đường kính thân 1.2mm, dài 6-12mm	cái	45
24	Vít xương mid 1.5mm hoặc 1.6mm, dài 6-12mm	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium, đường kính thân 1.6mm, dài 6-12mm	cái	950
25	Vít xương Mini đường kính 2.0mm, dài 6mm→12mm	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium, đường kính thân 2.0mm, dài 6 - 12mm	Cái	38.170
26	Vít xương J- Tac JT CL 030/040	Vít cố định màng xương, chất liệu Titanium gade 5 một, Chiều dài 3mm và 4 mm. Vít có hình tròn vòm đầu và ngành trên chốt để giữ ổn định màng xương được sử dụng với thân tước nơ vít có nắp silicon.	Cái	70